

Bảng 23: Kế hoạch sản lượng điện của PV Power giai đoạn 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu kWh

TT	Nội dung	Công suất (MW)	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng cộng
	Tổng cộng	5.854	23.969	23.811	23.058	24.690	24.261	119.789
1	NMĐ Cà Mau 1&2	1.500	5.161	5.511	5.161	5.511	5.511	26.855
2	NMĐ Nhơn Trạch 1	450	741	741	741	741	741	3.706
3	NMĐ Nhơn Trạch 2	750	3.000	3.000	2.600	3.000	3.000	14.600
4	NMĐ Hòa Na	180	563	563	563	563	563	2.815
5	NMĐ Đakdrinh	125	527	527	527	527	527	2.635
6	NMĐ Nậm Nơn	20	62	62	62	62	62	310
7	NMĐ Vũng Áng 1	1.200	6.900	6.300	6.200	7.000	6.500	32.900
8	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1.624	6.975	6.975	6.975	6.975	6.975	34.875
9	Dự án điện NLTT	5	40	132	229	311	381	1.094

(Nguồn: PV Power)

10.11.2. Lĩnh vực đầu tư phát triển nguồn điện

- Định hướng triển khai

PV Power tập trung phát triển nhiệt điện khí, coi đây là thế mạnh số một, trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn khí tự nhiên hiện có và khí LNG nhập khẩu. Việc này nhằm kết nối chuỗi giá trị, khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có ở các khâu thượng nguồn, trung nguồn của các đơn vị thành viên thuộc PVN.

Bên cạnh đó, PV Power ưu tiên nghiên cứu và đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo có hiệu quả cao, nhằm gia tăng tỷ lệ sản xuất điện từ nguồn năng lượng sạch. Ngoài ra, công ty cũng chú trọng đầu tư phát triển nguồn điện thông qua việc tìm kiếm và lựa chọn mua lại các dự án điện hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện thực tế của doanh nghiệp, theo hình thức M&A.

- Nhiệm vụ cụ thể

(Phần này được cố ý để trống)

Bảng 24: Tổng hợp các dự án PV Power tham gia đầu tư trong giai đoạn 2026-2030

TT	Tên dự án	Công suất (MW)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tỷ lệ sở hữu của PV Power
1	NMĐ LNG Quảng Ninh	1.500	2023-2030	30%
2	Xúc tiến đầu tư các dự án nhà máy mới phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh	~ 3.000	2026-2035	51%

(Nguồn: PV Power)

10.11.3. Lĩnh vực dịch vụ

Bao gồm 02 lĩnh vực: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các NMĐ và Dịch vụ cung ứng nhiên liệu.

- **Cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các NMĐ**

Định hướng triển khai

Cùng với các đơn vị sản xuất điện, PV Power tập trung đảm bảo và duy trì độ khả dụng, độ tin cậy của hệ thống thiết bị tại các nhà máy điện thuộc Tổng công ty, cụ thể:

Tổng Công ty sẽ chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và thường xuyên tại các nhà máy điện, đồng thời chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ vận hành và bảo trì (O&M) cho các nhà máy điện.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác bảo dưỡng sửa chữa cũng như vận hành O&M. Chiến lược đào tạo bao gồm: tổ chức đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên sâu, tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm và xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt cho Trung tâm kỹ thuật trong tương lai.

Ngoài ra, Tổng Công ty sẽ tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực hiện có như nhân sự, nhà xưởng, công cụ, dụng cụ và kinh nghiệm bảo dưỡng sửa chữa từ các nhà máy điện hiện hữu để nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện.

Nhiệm vụ cụ thể

PV Power chủ trì thực hiện toàn bộ công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đối với các nhà máy điện hiện hữu thuộc Tổng Công ty. Việc tự thực hiện bảo dưỡng sửa chữa kết hợp với chuyên môn hóa các hoạt động kỹ thuật được xác định là giải pháp trọng tâm nhằm tối ưu hóa chi phí, với mục tiêu giảm dần chi phí bảo dưỡng sửa chữa qua từng năm. Bên cạnh đó, PV Power tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên đối với các thiết bị chính trong các nhà máy điện của Tổng Công ty, đồng thời tổ chức quản lý và thực hiện hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn đã ký kết.

Tổng Công ty cũng đẩy mạnh việc quản lý, khai thác hiệu quả nhà xưởng phục hồi và công cụ dụng cụ tập trung tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, qua đó giảm thiểu

chi phí mua mới và tối ưu hóa chi phí thực hiện bảo dưỡng sửa chữa. Ngoài ra, PV Power định hướng mở rộng cung cấp dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa trọn gói hoặc toàn bộ cho các nhà máy điện do PVN hoặc PV Power đầu tư/góp vốn đầu tư, cũng như tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ cho các nhà máy điện ngoài ngành.

Đồng thời, Tổng công ty cũng sẽ cung cấp một số dịch vụ kỹ thuật cao nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật điện.

- **Dịch vụ cung ứng nhiên liệu**

- Định hướng triển khai***

Xây dựng, vận hành và quản trị các chuỗi cung ứng nhiên liệu hiện đại, tiên tiến và hiệu quả nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Đa dạng hóa nguồn cung nhiên liệu, tích cực tìm kiếm các nguồn nhiên liệu chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của các nhà máy điện. Đồng thời, phát huy mọi nguồn lực để đảm bảo cung ứng đủ nhiên liệu với chất lượng tốt nhất và chi phí cạnh tranh, hợp lý, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế của Tổng Công ty và góp phần quan trọng vào sự ổn định của hệ thống năng lượng quốc gia.

Thúc đẩy hợp tác kinh doanh nhiên liệu và cung cấp dịch vụ cho các nhà máy điện trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế bền vững.

- Nhiệm vụ cụ thể***

Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) ổn định, lâu dài, than ổn định cho các NMD của PV Power. Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu. Quản lý, tổ chức thực hiện toàn bộ các hợp đồng mua bán nhiên liệu trên cơ sở tối ưu khối lượng lưu trữ, tồn kho, đảm bảo hiệu quả kinh tế cho PV Power;

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế/quy trình, các cơ chế, chính sách, phương án (về thương mại, kỹ thuật, logistics,...) đối với hoạt động cung cấp nhiên liệu cho các NMD.

Xây dựng bộ máy thương mại, kỹ thuật, giám sát tinh gọn có năng lực chuyên môn cao để quản lý thực hiện tốt các hợp đồng nhập khẩu nhiên liệu với các nhà cung cấp quốc tế.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Tổng Công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Tổng Công ty

Tổng số lao động và cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng công ty và Hợp nhất toàn công ty năm 2023, 2024 và Quý 3 năm 2025 như sau:

Bảng 25: Cơ cấu lao động năm 2023, 2024 và 09 tháng đầu năm 2025

Tiêu chí phân loại	31/12/2023		31/12/2024		30/9/2025	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Phân loại theo trình độ	1.243	2.065	1.317	2.132	1.319	2.163
Trên đại học	164	209	170	218	172	224
Đại học	826	1.251	893	1.330	899	1.347
Cao đẳng	77	168	78	158	78	176
Trung cấp, sơ cấp	17	154	20	137	23	146
Công nhân kỹ thuật, lái xe	151	263	149	270	141	251
Lao động phổ thông	8	20	7	19	6	19
Phân loại theo Hợp đồng lao động	1.243	2.065	1.317	2.132	1.319	2.163
Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	1.107	1.757	1.137	1.840	1.150	1.829
Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12-36 tháng	123	293	176	274	166	302
Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	13	15	04	18	3	32

(Nguồn: PV Power)

11.2. Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc:**

Thời giờ làm việc: CBCNV thực hiện thời giờ làm việc và thời gian làm thêm giờ theo đúng các quy định của Bộ luật Lao động và Nội quy Lao động của Tổng công ty.

Thời giờ làm việc của các lái xe ô tô sẽ căn cứ vào nhu cầu thực tế của công việc đòi hỏi trên cơ sở đảm bảo giờ thực lái của lái xe không quá 8h/ngày.

Nghỉ phép theo quy định: CBCNV làm việc đủ 12 (mười hai) tháng tại Tổng công ty thì được nghỉ phép 12 (mười hai) ngày làm việc (trừ trường hợp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật) và được tăng thêm theo thâm niên đóng BHXH, cứ đủ 05 (năm) năm làm việc cho Tổng công ty và/hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước, đơn vị khác trong ngành Dầu khí thì được nghỉ thêm 01 (một) ngày làm việc hưởng nguyên lương. Thủ tục nghỉ phép hàng năm được thực hiện theo các quy định tại Thỏa ước lao động tập thể,

nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Nghỉ Lễ, Tết theo quy định: CBCNV được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương vào những ngày Lễ, Tết, nghỉ hằng năm theo Điều 112 của Bộ luật Lao động và các ngày nghỉ có hưởng lương khác do Tổng công ty quy định (nếu có).

Nghỉ thai sản theo quy định: CBCNV nữ trong thời gian mang thai và nghỉ sinh con được nghỉ ngơi, hưởng các chế độ chăm sóc sức khỏe và các chế độ thai sản theo quy định của Pháp luật lao động và pháp luật về BHXH. Ngoài ra, CBCNV nữ được hưởng các khoản phúc lợi, trợ cấp khác theo quy định tại Thỏa ước lao động tập thể và các quy định nội bộ của Tổng công ty (nếu có).

- **Chính sách đào tạo**

Kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng Công ty: Đã hoàn thành công tác giao kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Xây dựng và triển khai công tác đào tạo và phát triển nhân lực tại Công ty mẹ - Tổng Công ty. Dự kiến đến thời điểm 30/6/2025 Công ty mẹ - Tổng Công ty đã triển khai đào tạo/cử 570 lượt người tham gia các chương trình nâng cao năng lực quản lý, đào tạo kỹ thuật/kỹ thuật chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ do Tập đoàn, Tổng Công ty, đơn vị tổ chức với tổng kinh phí 2.487 triệu đồng.

- **Chính sách lương, thưởng và các chế độ khác đối với người lao động**

Tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách cho CBCNV của Công ty mẹ - Tổng công ty (trong đó có Cơ quan Tổng công ty) luôn được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm.

Trên cơ sở cân đối nguồn lực và tình hình thực hiện SXKD, Tổng công ty đã điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương từ mức 01 triệu đồng lên 1,3 triệu đồng áp dụng trong phạm vi toàn Công ty mẹ Tổng Công ty để nâng cao mức tiền lương chức danh hàng tháng cho Người lao động cũng như hướng tới các chính sách phúc lợi trong dài hạn để thu hút nhân tài. Người lao động được hưởng mức lương hưu cũng như các chế độ Bảo hiểm tốt hơn, đời sống được đảm bảo ổn định...

Tổng công ty đã sửa đổi, hoàn thiện các chương trình, chính sách, quy chế quản trị nội bộ cho người lao động với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch, công khai như: Quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, quy chế thưởng vận hành an toàn, các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty... Trong đó đặc biệt quan tâm tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động và thông qua tổ chức Công đoàn để lấy ý kiến Người lao động trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao nhất với người lao động.

Tổng công ty hướng tới tăng cường năng lực đội ngũ, xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu suất lao động như đánh giá hiệu suất KPI để khuyến khích người lao động làm nhiều hưởng

nhiều, có cơ chế trọng dụng nhân tài...

- **Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:**

Không có.

12. Chính sách cổ tức

Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

Năm 2023, 2024, Tổng công ty không chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, Tổng Công ty thông qua tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông với tỷ lệ 4%/cổ phiếu.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào năm 2018 đến nay, Tổng Công ty không thực hiện chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP cam kết: “Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích”.

(Phần này được cố ý để trống)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 26: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	%tăng/giảm	30/9/2025
Tổng tài sản	59.107.892	68.140.143	15,28	74.442.839
Doanh thu thuần	20.583.869	22.894.712	11,23	18.557.941
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.141.723	900.647	-21,12	1.459.139
Lợi nhuận khác	153.428	429.238	179,76	2.198
Lợi nhuận trước thuế	1.295.152	1.329.885	2,68	1.461.337
Lợi nhuận sau thuế	1.200.090	1.207.173	0,59	1.412.403
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán; BCTC riêng Quý 3 năm 2025)

Bảng 27: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	%tăng/giảm	30/9/2025
Tổng tài sản	70.362.090	79.915.033	13,58	85.771.497
Doanh thu thuần	28.329.358	30.305.634	6,98	25.404.268
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.290.183	882.743	-31,58	2.326.698
Lợi nhuận khác	151.885	500.498	229,52	5.419
Lợi nhuận trước thuế	1.442.068	1.383.241	-4,08	2.332.117
Lợi nhuận sau thuế	1.282.942	1.211.342	-5,58	2.181.974

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán; BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025)

- **Các chỉ tiêu khác:** Không có.
- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:** Không có.

Tổng tài sản hợp nhất của PV Power ghi nhận tại ngày 31/12/2024 là 79.915 tỷ đồng, tăng 13,58% so với cùng kỳ năm 2023, phần lớn đến từ các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án NMD Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt gần 30.305,6 tỷ, tăng 6,98% so với năm trước, chủ yếu bởi sự đóng góp của doanh thu Công ty mẹ đạt 103% so với kế hoạch và cổ tức từ các đơn vị thành viên cũng tăng so với kế hoạch (tăng 11% so với kế hoạch). Lợi nhuận thuần từ HĐKD năm 2024 ghi nhận giảm 31,58% (từ 1.290 tỷ năm 2023 xuống 882,7 tỷ đồng) chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng cao trong năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 của Tổng Công ty đạt 1.211 tỷ, giảm 71,6 tỷ đồng so với năm trước, là con số đáng ghi nhận trước những khó khăn về nguồn khí trong nước sụt giảm mạnh, sản lượng Qc thấp.

Tới 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt 25.404 tỷ đồng – hoàn thành 66,62% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.181,9 tỷ đồng – hoàn thành 497% so với kế hoạch cả năm đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Hoạt động kinh doanh của PV Power chịu tác động mạnh mẽ từ tình hình địa chính trị thế giới, bối cảnh vĩ mô Việt Nam, định hướng phát triển ngành Điện của Chính phủ, các nhân tố đặc thù của từng loại hình sản xuất điện và các nhân tố khác trong công tác quản trị, điều hành của Tổng Công ty.

• Những nhân tố thuận lợi:

Tăng trưởng GDP ở mức cao và ổn định thúc đẩy nhu cầu điện năng lớn, tạo dư địa phát triển bền vững cho PV Power

Việt Nam được đánh giá là điểm sáng về tăng trưởng GDP và thuộc nhóm nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Năm 2024, tăng trưởng GDP ước đạt 7,09%, quy mô kinh tế đạt khoảng 470 tỉ USD. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10,0%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030 và khoảng 7,5%/năm trong giai đoạn 2031 – 2050. Điều này thúc đẩy nhu cầu điện thương phẩm lớn, tạo nền tảng thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất điện, trong đó có PV Power.

Hình 8: Sản lượng điện thương phẩm Việt Nam



(Theo: EVN, Viện Năng lượng)

Định hướng quy hoạch ngành Điện của Chính Phủ tạo nền tảng vững chắc cho PV Power tăng trưởng dài hạn.

Về chính sách ngành, Quy hoạch Điện VIII và Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh do Chính Phủ ban hành đặt mục tiêu đến năm 2030 tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước là 150.489 MW (không bao gồm xuất khẩu, điện mặt trời mái nhà hiện hữu, năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới), trong đó nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW (9,9%), nhiệt điện LNG là 22.400 MW (14,9%).

Định hướng này tạo cơ hội lớn cho PV Power trong việc triển khai các dự án điện khí LNG trọng điểm như Nhơn Trạch 3 và 4 (tổng công suất 1.624 MW) cũng như mở rộng sang năng lượng tái tạo. Đồng thời, cam kết Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ cũng khẳng định xu hướng giảm dần huy động điện than, qua đó củng cố vai trò chiến lược của điện khí và năng lượng sạch – các lĩnh vực mà PV Power đang định hướng phát triển.

Là doanh nghiệp trọng điểm của PVN, PV Power coi quản trị hiệu quả là nhân tố then chốt bảo đảm hoạt động SXKD và nâng cao giá trị cho cổ đông.

Bên cạnh đó, PV Power là đơn vị hoạt động thuộc một trong năm lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của PVN, thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn trong mọi hoạt động của Tổng công ty, được sự hỗ trợ về việc thu xếp vốn cho các dự án, công ty thành viên.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với quy mô lớn, bao gồm các Công ty con có tư cách pháp nhân gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, từ đó phát huy được các lợi thế ngành. Với mô hình tổ chức và quản lý vốn góp tại các đơn vị thành viên hiện nay đã đảm bảo việc tuân thủ chủ trương của Chính phủ/Tập đoàn về không đầu tư hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.

Sau 18 năm thành lập, PV Power ngày càng tích lũy được bề dày kinh nghiệm, có được đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa các NMD có quy mô lớn, công nghệ cao.

- **Những nhân tố khó khăn:**

Những nhân tố vĩ mô khó đoán định

Các diễn biến khó lường của yếu tố địa chính trị như căng thẳng Nga – Ukraine, bất ổn tại Trung Đông, cuộc chiến thuế quan Hoa Kỳ hay những sự kiện bất ngờ như đại dịch Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng, rủi ro về tỷ giá, tác động đến thị trường hàng hóa và an ninh năng lượng. Từ đó ảnh hưởng đến giá khí nhiên liệu đầu vào của loại hình điện khí.

Sản xuất điện của các nhà máy điện khí phụ thuộc nhiều vào khả năng cấp khí của PVGas và mức độ huy động điện của EVN. Để giảm thiểu rủi ro của nguyên liệu khí đầu vào PV Power thường xuyên phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, PV Gas đảm bảo luôn sẵn sàng độ khả dụng cao nhất cho nhà máy. Ngoài ra, PV Power cũng đã xây dựng phương án dự trữ đủ dầu DO để đảm bảo nhà máy vận hành liên tục, đáp ứng nhu cầu huy động của A0, đặc biệt trong giai đoạn bảo dưỡng sửa chữa gián khí. Đối với đầu ra, PV Power và các công ty con đã ký kết hợp đồng với

EVN đối với điện khí nhằm đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng điện sản xuất.

Biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan

Biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan có tác động lớn đến hoạt động sản xuất điện.

Đối với thủy điện, lượng mưa, lưu lượng nước đổ về các hồ thủy điện biến động thất thường khiến sản lượng phát điện biến động mạnh theo mùa. Trong các năm chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, như năm 2023 - 2024, mực nước về hồ sụt giảm mạnh khiến sản lượng thủy điện toàn ngành suy giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện. Ngược lại, La Nina thường mang lại lượng mưa cao hơn, giúp tăng mực nước trong hồ chứa và cải thiện điều kiện thủy văn, từ đó nâng cao hiệu suất hoạt động của các nhà máy thủy điện. Tuy nhiên, các đợt mưa lũ lớn có thể gây rủi ro vận hành, đe dọa an toàn hồ đập và làm tăng chi phí bảo dưỡng.

Đối với nhiệt điện than, tác động của khí hậu thể hiện gián tiếp qua biến động nhu cầu huy động. Khi sản lượng thủy điện giảm do khô hạn, hệ thống buộc phải gia tăng huy động nguồn nhiệt điện than để đảm bảo cân đối cung cầu, kéo theo chi phí nhiên liệu tăng mạnh trong bối cảnh giá than thế giới biến động. Ngoài ra, chính sách môi trường ngày càng khắt khe dưới tác động của biến đổi khí hậu cũng làm gia tăng chi phí xử lý khí thải và áp lực cam kết Net Zero 2050 chuyển dịch dần tỷ trọng nhiệt điện than sang các năng lượng khác sạch hơn trong dài hạn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 28: Nguồn vốn của doanh nghiệp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/9/2025	
	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
Vốn điều lệ	23.418.716	23.418.716	23.418.716	23.418.716	23.418.716	23.418.716
Vốn kinh doanh	59.107.892	70.362.090	68.140.143	79.915.033	74.442.839	85.771.497
- VCSH	28.971.029	34.119.429	29.721.095	34.680.635	30.963.173	36.475.924
- Nợ phải trả	30.136.863	36.242.661	38.419.048	45.234.398	43.479.666	49.295.573

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

Nguồn vốn kinh doanh và Vốn điều lệ của PV Power đã được sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tổng Công ty.

Bảng 29: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh của PV Power

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/9/2025	
	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
I. Tài sản ngắn hạn	22.983.405	29.041.955	22.571.981	29.980.559	25.186.895	34.149.773
1. Tiền và tương đương tiền	8.193.083	8.439.698	10.963.329	11.564.349	9.310.256	9.681.166
2. Đầu tư ngắn hạn	74.882	2.390.860	1.245.908	4.111.872	6.654.376	11.116.413
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.467.266	14.560.456	8.489.431	11.873.163	6.650.918	10.365.024
4. Hàng tồn kho	1.861.524	2.167.404	1.421.936	1.795.106	1.950.657	2.338.203
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.386.650	1.483.537	451.377	636.069	620.688	648.966
II. Tài sản dài hạn	36.124.487	41.320.136	45.568.162	49.934.474	49.255.944	51.621.724
1. Các khoản phải thu dài hạn	404	442	315	353	560	898
2. Tài sản cố định	18.023.790	26.401.678	16.483.960	24.321.201	15.398.146	22.330.025
3. Tài sản dở dang dài hạn	8.991.987	9.031.969	19.704.423	19.758.834	24.551.491	24.628.270
4. Đầu tư tài chính dài hạn	5.777.642	959.549	5.815.270	766.206	5.895.914	844.491
5. Tài sản dài hạn khác	3.330.664	4.926.497	3.564.193	5.087.880	3.409.833	3.818.040
Tổng Tài sản	59.107.892	70.362.090	68.140.143	79.915.033	74.442.839	85.771.497

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng theo đúng chế độ hiện hành quy định và trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc.....	06 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	04 - 25 năm

Tổng Công ty cam kết việc thực hiện xác định thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và theo đúng quy định của pháp luật.

Những thay đổi trong chính sách khấu hao của Tổng Công ty: Không có.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 30: Thu nhập bình quân tại Công ty mẹ giai đoạn 2022 - 2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	30,87	29,41	39,19

(Nguồn: PV Power)

Mức thu nhập bình quân tại Công ty mẹ PV Power năm 2024 đạt 39,19 triệu đồng/người/tháng, cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung nền kinh tế. Cụ thể, theo số liệu thống kê, GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2024 đạt khoảng 114 triệu đồng/năm, tương đương gần 9,5 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, thu nhập trung bình tại PV Power cao hơn 4 lần mức GDP bình quân đầu người. Dù chưa có dữ liệu chi tiết từ các công ty cùng ngành để so sánh trực tiếp nhưng mức thu nhập này được đánh giá là nằm trong nhóm cao, phản ánh đặc thù của PV Power là doanh nghiệp vận hành các nhà máy điện quy mô lớn, yêu cầu cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn. Thu nhập của CBCNV Tổng Công ty đảm bảo quy định pháp luật về lao động. Với mức thu nhập bình quân này, PV Power đang duy trì chính sách đãi ngộ thuộc nhóm dẫn đầu trong ngành năng lượng.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 31: Tình hình công nợ của PV Power

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Các khoản phải thu	11.467.670	8.489.747	6.651.478	14.560.898	11.873.516	10.365.922
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.467.266	8.489.431	6.650.918	14.560.456	11.873.163	10.365.024
Các khoản phải thu dài hạn	404	315	560	442	353	898
Các khoản phải trả	30.136.863	38.419.048	43.479.666	36.242.661	45.234.398	49.295.573
Nợ ngắn hạn	22.220.406	28.284.448	25.741.990	26.785.159	33.457.349	30.075.491
Nợ dài hạn	7.916.457	10.134.601	17.373.676	9.457.503	11.777.049	19.220.082

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 32: Một số chỉ tiêu về các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Phải thu ngắn hạn	11.467.266	8.489.431	6.650.918	14.560.455	11.873.163	10.365.024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (1)	9.711.125	7.856.060	6.261.364	12.710.473	11.120.911	9.804.966
Trả trước cho người bán (2)	1.237.686	259.994	363.026	1.274.053	296.909	401.880
Phải thu khác (3)	1.004.476	840.806	596.743	1.092.912	950.858	735.040

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (4)	(486.021)	(467.429)	(570.215)	(516.983)	(495.515)	(576.861)
Phải thu dài hạn	404	315	560	442	353	898
Các khoản phải thu dài hạn khác	404	315	560	442	353	898
Tổng cộng	11.467.670	8.489.746	6.651.478	14.560.897	11.873.516	10.365.922

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

- (1) Xét toàn Tổng Công ty, tại Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025, trong khoản mục Phải thu của khách hàng ngắn hạn chủ yếu là khoản phải thu tiền điện của Công ty Mua bán điện (EVN/EPTC) với giá trị là 9.730 tỷ đồng tại 30/9/2025, riêng của Công ty mẹ phải thu từ EVN/EPTC là 6.244 tỷ đồng.
- (2) Trả trước cho người bán: Trả trước cho người bán: Hiện nay, các khoản trả trước cho người bán của Công ty mẹ tại ngày 30/9/2025 chủ yếu đến từ trả trước cho người bán ngắn hạn.
Các khoản trả trước cho người bán hợp nhất tại ngày 30/9/2025 chủ yếu đến từ trả trước cho người bán ngắn hạn và trả trước cho người bán là các bên liên quan lần lượt là 396,9 tỷ đồng và 4,9 tỷ đồng.
- (3) Xét các khoản phải thu khác hợp nhất toàn Tổng Công ty, tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, số dư phải thu Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVN về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên PVN.
Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 14.723.819.723 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 14.723.819.723 VND) chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.
- (4) Các khoản phải thu quá hạn

Tổng Công ty có các khoản nợ xấu như sau:

Bảng 33: Tổng hợp các khoản nợ xấu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Dư nợ	Dự phòng	Dư nợ	Dự phòng	Dư nợ	Dự phòng
1	Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	571.970	457.063	500.708	445.775	699.501	537.057
2	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng – Quảng Trạch	19.494	19.494	14.000	14.000	14.000	14.000
3	CTCP Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.860	7.860	4.527	4.527	4.527	4.527
4	Trường Cao đẳng Dầu khí	-	-	4.563	2.282	4.563	3.194
5	Các đối tượng khác	1.603	1.603	845	845	11.436	11.436
Tổng		600.927	486.021	524.644	467.429	734.028	570.215

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý 3 năm 2025)

Bảng 34: Tổng hợp các khoản nợ xấu Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
		Dư nợ	Dự phòng	Dư nợ	Dự phòng	Dư nợ	Dự phòng
1	Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	652.464	481.379	539.049	467.215	699.501	537.057
2	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng – Quảng Trạch	19.494	19.494	14.000	14.000	14.000	14.000
3	CTCP Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.860	7.860	4.527	4.527	4.527	4.527
4	Các đối tượng khác	1.603	1.603	5.408	3.127	15.999	14.630
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045	6.646	7.045	6.646	7.045	6.646
Tổng		688.466	516.983	570.029	495.515	741.073	570.860

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025)

Chi tiết về giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân đánh giá khả năng thanh toán chi tiết các khoản nợ xấu toàn Tổng công ty như sau:

Bảng 35: Chi tiết các khoản nợ xấu hợp nhất toàn Tổng Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ			Giá trị đã trích lập dự phòng tại ngày 30/9/2025	Thời gian quá hạn tính tới 30/9/2025 Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
		31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025			
1	Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EPTC/EVN)	652.464	539.049	699.501	537.057 (76,77%)	Những khoản doanh thu PV Power bán điện cho EPTC/EVN chưa thống nhất được với EPTC/EVN do sự thay đổi pháp luật trong lĩnh vực giá điện, vướng mắc cơ chế giá nhiên liệu,...	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 76,77% giá trị nợ. Những khoản này PV Power tiếp tục đàm phán với EPTC/EVN để thu hồi công nợ.
2	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (VQPP)	19.494	14.000	14.000	14.000 (100%)	Chi phí PV Power cung cấp dịch vụ đào tạo nhân lực cho NMD Vũng Áng 1 theo hợp đồng với VQPP.	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị nợ.
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí (PCC)	7.860	4.527	4.527	4.527 (100%)	Thời gian quá hạn: 14 năm 9 tháng Chi phí PV Power cung cấp dịch vụ đào tạo nhân lực cho NMD Vũng Áng 1 theo hợp đồng với VQPP.	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị nợ.
4	Trường Cao đẳng Dầu khí (PV College)	-	4.563	4.563	3.194 (70%)	Thời gian quá hạn: 8 năm 6 tháng đến 13 năm 9 tháng PV Power phải thu PCC các khoản: cổ tức năm 2011 chưa	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 70% giá trị nợ. Sau khi Tập đoàn phê duyệt quyết

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ			Giá trị đã trích lập dự phòng tại ngày 30/9/2025	Thời gian quá hạn tính tới 30/9/2025 Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
		31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025			
						trả; phải thu theo quyết toán giải thể đơn vị tiền thân của PCC là PMCI và PMC2; phải thu do giảm trừ quyết toán dự án NMD Nhơn Trạch 1 theo kết luận của KTN.	toán dự án NMD Thái Bình 2, PV Power sẽ yêu cầu PV College thanh toán khoản này.
5	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA)	-	-	10.591	10.591 (100%)	Thời gian quá hạn: 2 năm 3 tháng Khoản phải thu do PV Power cung cấp dịch vụ đào tạo vận hành viên NMD Thái Bình 2 cho PV College.	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị nợ.
6	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	845	845	845	845 (100%)	Thời gian quá hạn: 7 năm 9 tháng Khoản phải thu do PV Power cung cấp cho LILAMA các dịch vụ phục vụ chạy thử nghiệm thu NMD Vũng Áng 1 (điện, nước, dầu mỡ, hóa chất, ...)	PV Power đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị nợ.
7	Công ty CP Tư vấn 6 (TV6)	758	-	-	-	Thời gian quá hạn: 10 năm 9 tháng PV Power phải	PV Power đã thu được khoản này

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ			Giá trị đã trích lập dự phòng tại ngày 30/9/2025	Thời gian quá hạn tính tới 30/9/2025 Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
		31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025			
						thu PVC-IC do giảm trừ quyết toán Dự án NMD Nhơn Trạch 1 theo kết luận của KTNN.	trong năm 2024.
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	7.045	7.045	7.045	6.646 (94,33%)	Thời gian quá hạn: 11 năm 9 tháng Đây là khoản phải thu do CTCP Thủy điện Đakdrinh (là công ty con của PV Power, gọi tắt là DHC) phải thu PVC-MT. Là khoản DHC trả trước cho PVC-MT trong giai đoạn đầu tư xây dựng Dự án NMD Thủy điện Đakdrinh. DHC đã khởi kiện PVC-MT tại tòa án nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng và đã có bản án. Đến thời điểm hiện tại, PVC-MT không có khả năng thi hành án trả nợ cho DHC.	DHC đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 94,33% giá trị nợ. DHC tiếp tục bám sát cơ quan thi hành án quận Hải Châu để được thi hành án thu hồi số tiền PVC-MT còn nợ.
Tổng cộng		688.466	570.029	741.073	576.860 (77,03%)		

(Nguồn: PV Power)

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 36: Một số chỉ tiêu về các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Nợ ngắn hạn	22.220.406	28.284.447	25.741.991	26.785.159	33.457.349	30.075.491
Phải trả người bán (1)	14.221.234	13.255.541	12.774.008	15.947.202	15.726.149	14.305.650
Người mua trả tiền trước	3	85.950	22.974	901	89.082	29.309
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	86.773	11.523	29.636	171.481	76.295	110.726
Phải trả người lao động	198.308	247.844	113.624	286.805	333.831	158.747
Chi phí phải trả	252.192	372.800	599.299	1.361.848	1.534.677	1.544.802
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-	-	37
Phải trả khác	2.669.192	1.440.737	1.688.625	2.688.406	1.467.934	1.751.517
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (2)	4.007.250	12.192.924	10.141.254	5.506.591	13.508.103	11.736.666
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	717.763	553.193	209.600	717.886	553.193	215.514
Quỹ khen thưởng phúc lợi	67.691	123.935	162.971	104.039	168.085	222.523
Nợ dài hạn	7.916.457	10.134.601	17.737.676	9.457.502	11.777.049	19.220.082
Phải trả dài hạn khác	28	28	28	549	491	454

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (2)	5.634.917	7.513.760	14.519.611	7.172.278	9.151.301	15.997.677
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	3.163	4.445	3.914
Dự phòng phải trả dài hạn (3)	2.163.969	2.506.593	3.105.156	2.163.969	2.506.593	3.105.156
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	117.543	114.220	112.881	117.543	114.219	112.881
Tổng nợ phải trả	30.136.863	38.419.048	43.479.666	36.242.661	45.234.398	49.295.573

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

Xét cơ cấu các khoản nợ phải trả hợp nhất toàn Tổng Công ty, tại ngày 30/9/2025, tổng nợ phải trả ghi nhận con số gần 49.296 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 30.558 tỷ đồng, chiếm 61,99%, nợ dài hạn là 18.737 tỷ đồng, chiếm 38,01%.

- (1) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn Công ty mẹ tập trung phần lớn là các khoản phải trả cho các bên liên quan. Cụ thể, tại ngày 30/9/2025, khoản phải trả cho PVN là 8.615 tỷ đồng (chiếm 60,2% các khoản phải trả ngắn hạn).

Các khoản phải trả người bán hợp nhất tại ngày 30/9/2025 phần lớn đến từ các khoản phải trả người bán là các bên liên quan và các khoản phải trả người bán là các khách hàng khác cụ thể lần lượt là 11.076 tỷ đồng và 3.230 tỷ đồng.

- (2) Vay và nợ thuê tài chính

(Phần này được cố ý để trống)

Bảng 37: Chi tiết vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ - Tổng Công ty			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.007.250	12.192.924	10.141.254	5.506.591	13.508.103	11.736.666
Vay ngắn hạn	3.654.287	11.350.048	8.696.636	4.866.012	12.346.440	9.989.090
Vay dài hạn đến hạn trả	352.963	842.876	1.444.618	640.579	1.161.662	1.747.576
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.634.917	7.513.760	14.519.611	7.172.278	9.151.301	15.997.677
Tổng	9.642.167	20.549.560	24.660.865	12.678.869	23.821.066	27.734.343

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025)

- (3) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, chi phí dự phòng phải trả hợp nhất toàn Tổng Công ty phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng công ty trích trước cho Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Tổng Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán cho nhà cung cấp và đối tác. Các khoản nợ vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ tổ chức tín dụng đều được Tổng Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trong suốt thời gian hoạt động của Tổng Công ty.
 - Trường hợp quá hạn: Không có.
 - Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ chức phát hành và công ty con: Không có.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế TNDN và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 38: Các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Thuế giá trị gia tăng	5.534	0	19.549
2	Thuế xuất nhập khẩu	0	0	0
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.749	-18.102	-7.990
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.144	9.843	5.425
5	Thuế khác	1.346	1.680	4.642
Tổng		86.773	-6.579	21.626

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC riêng Quý 3 năm 2025)

Bảng 39: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Thuế giá trị gia tăng	42.199	13.954	26.550
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.991	9.901	39.274
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.640	12.690	7.958
4	Thuế tài nguyên	13.017	9.754	11.498
5	Thuế khác	10.634	11.894	17.436
Tổng		171.481	58.193	102.716

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025)

2.1.8. Trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của Pháp luật hiện hành. Theo Điều lệ của Tổng Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bảng 40: Tình hình trích lập các Quỹ (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Quỹ khen thưởng phúc lợi	67.691	123.935	162.970
Quỹ đầu tư phát triển	3.784.259	4.144.286	4.506.438
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	117.543	114.220	112.881

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC riêng Quý 3 năm 2025)

Bảng 41: Tình hình trích lập các Quỹ (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.039	168.085	222.523
Quỹ đầu tư phát triển	4.039.360	4.426.081	4.810.007
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	117.543	114.220	112.881

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025)

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp

Các chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,03	0,80	1,08	0,90
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,95	0,75	1,00	0,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	50,99	56,38	51,51	56,60
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	104,02	129,27	106,22	130,43
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Lần	0,98	1,01	1,05	1,03
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	10,63	13,16	12,05	14,29
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,39	0,36	0,45	0,40
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,83	5,27	4,53	4,00
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,22	4,11	3,81	3,52

Các chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,28	1,90	2,02	1,61
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	512,45	515,47	443,39	474,66

(Nguồn: PSI tổng hợp)

Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn trong BCTC riêng năm 2024 đạt 0,80 lần, giảm 1,28 lần so với 1,03 trong năm 2023 và hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 0,95 xuống 0,75 lần. So với năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn của Tổng công ty giảm từ 1,08 xuống 0,90; hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 1,00 xuống 0,84. Nguyên nhân do Tổng công ty đang trong giai đoạn trọng điểm của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, trong đó phát sinh các khoản vay ngắn hạn có giá trị lớn để đầu tư tài sản dài hạn.

Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản của Tổng công ty tăng từ mức 51,51% trong năm 2023 lên mức 56,60% trong năm 2024, đồng thời Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ mức 106,22% trong năm 2023 lên mức 130,43% trong năm 2024, điều này cho thấy Tổng công ty đang sử dụng nhiều nợ hơn để tài trợ cho tài sản, cụ thể là các dự án mới đang trong quá trình xây dựng của Tổng công ty

Về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2024 tăng lên mức 14,29 lần, cho thấy Tổng công ty đang quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn. Đồng thời chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng từ mức 0,65 lần lên 0,70 lần trong năm 2024, phản ánh hiệu suất sử dụng tài sản của Tổng công ty đã có cải thiện nhẹ trong năm nay.

Về khả năng sinh lời: Tại BCTC hợp nhất, Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2024 đạt 4,00%, giảm so với mức 4,53% của năm 2023. Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân cũng giảm từ mức 3,81% năm 2023 xuống mức 3,52% năm 2024. Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân năm 2023 đạt 1,61% và giảm so với 2,02% trong năm 2023. Các chỉ số sinh lời năm 2024 đều giảm so với năm 2023 nhưng đều nằm trong ngưỡng an toàn và phù hợp với Tổng công ty.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024. Ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty năm 2023

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này."

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty năm 2023

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này."

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty năm 2024

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này."

3.4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty năm 2024

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2025

Bảng 43: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	%tăng/giảm so với năm 2024	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	%tăng/giảm so với năm 2024
1	Tổng doanh thu	22.895	30.790	34,48%	30.306	38.185	26,00%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.330	773	-41,88%	1.383	493	-64,35%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.207	739	-38,77%	1.211	439	-63,75%
4	Tỷ lệ LNST/Tổng doanh thu	5,27%	1,15%	-78,19%	4,00%	1,15%	-71,23%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	0%	4%	-	-	4%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2025 của PV Power)

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:

Kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025.

Kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 4% đã được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Công ty theo Nghị quyết số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2025.

4.3. Căn cứ xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Trong năm 2025, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặt ra kế hoạch đối với toàn Tổng Công ty, sản lượng điện sản xuất đạt 18.864 Triệu kWh, doanh thu đạt 38.185 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 439 tỷ đồng, tương ứng 126% và 36,25% so với thực hiện năm 2024; đối với riêng Công ty mẹ, sản lượng điện sản xuất đạt 14.648 Triệu kWh, doanh thu đạt 30.790 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 739 tỷ đồng, tương ứng 134,48% và 61,23% so với thực hiện năm 2024.

Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đánh giá dựa trên:

- Căn cứ công suất khả dụng của các nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.
- Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật, ...
- Giá dầu 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 25.000 VNĐ.

Bên cạnh đó, để thực hiện hóa các chỉ tiêu, Hội đồng Quản trị đã đề ra nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm năm 2025 như sau:

1. Quản lý vận hành sản xuất, BDSC các NMD đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các NMD. Phân đầu tổng sản lượng điện sản xuất cả năm đạt 18,86 tỷ kWh.

2. Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

3. Đàm phán với EVN/EPTC về Qc cho các nhà máy điện một cách hợp lý, đảm bảo an toàn vận hành và hiệu quả SXKD của các NMD; đặc biệt Qc tại các NMD Cà Mau 1&2 và TOP khí phù hợp kế hoạch giao khí. Tìm nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng bổ sung về mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo.

4. Tìm kiếm nguồn và đảm bảo cấp than (ưu tiên nguồn than cám 5a10) ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt; cũng như đệ trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than chất bốc

cao.

5. Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các NMD: đại tu NMD Hòa Na, tiểu tu các NMD Cà Mau 1, NMD Nhơn Trạch 2, NMD Đakdrinh trong năm 2025 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác BDSC các NMD năm 2026.

6. Nâng cao công tác quản trị, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; đặc biệt tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại NMD Nhơn Trạch 1&2. Tăng cường công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

7. Tập trung đàm phán với EVN/PVN để thu hồi khoản chênh lệch tiền khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ nguồn khí mua bổ sung từ Petronas đối với Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

8. Tiếp tục phối hợp với Tập đoàn bám sát các cấp có thẩm quyền để sớm hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power, tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ - PV Power. Bám sát cấp có thẩm quyền hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.

9. Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố hệ thống quản trị danh mục đầu tư; tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định, đảm bảo triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định theo khả năng tài chính của PV Power. Chủ động xây dựng kịch bản cân đối vốn với các giải pháp tài chính hữu hiệu trong trường hợp phương án tăng vốn điều lệ chưa được phê duyệt hoặc phê duyệt chậm hơn so với tiến độ giải ngân dự án, đảm bảo ưu tiên tối đa nguồn lực, cân đối đủ nhu cầu vốn cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Đưa dự án tòa nhà văn phòng Tổng công ty vào vận hành. Triển khai công tác đầu tư dự án NMD Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh. Thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án Thủy điện Luang Prabang.

10. Tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo dự án đưa vào vận hành phát điện đúng tiến độ, bao gồm các công việc: tổ chức giám sát, quản lý thực hiện các hợp đồng của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; hoàn thành công tác đào tạo vận hành, hoàn thành xây dựng các quy trình, quy định vận hành chạy thử và phát điện thương mại đúng tiến độ. Hoàn thành đàm phán, ký kết hợp đồng GSA với PV Gas về việc cung cấp nhiên liệu khí LNG cho công tác vận hành thương mại tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

11. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án NMD LNG như: NMD Quỳnh Lập (Nghệ An), NMD Vũng Áng 3 (Hà Tĩnh), NMD Cà Mau mở rộng (Cà Mau). Nghiên cứu xúc tiến đầu tư, xúc tiến đầu tư các dự án mới, nghiên cứu phát triển đầu tư các dự án điện như: dự

án điện năng lượng tái tạo như: tổ hợp điện sạch tích năng Lâm Sơn - Ninh Thuận, NMD rác Khe Giang - Quảng Ninh, NMD than SeKong (Lào) và các dự án khác khi có hiệu quả.

12. Thực hiện công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp theo các Nghị quyết của Hội đồng Thành viên PVN, đảm bảo phù hợp với Đề án cơ cấu lại Tập đoàn giai đoạn đến hết năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-TTg ngày 25/10/2023. Rà soát sắp xếp tổ chức gọn bộ máy từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power và phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng xanh, sạch hiện nay.

13. Thực hiện công tác chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP theo lộ trình và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa SXKD với Tập đoàn đảm bảo triển khai hệ thống ERP thông suốt, hiệu quả.

14. Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các NMD. Đối với các nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cất lũ và đảm bảo thủy lợi.

15. Thực hiện công tác an sinh xã hội, truyền thông & văn hóa doanh nghiệp phù hợp với hiệu quả hoạt động SXKD.

16. Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã tiến hành khảo sát doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của PV Power qua các năm 2023 – 2024; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như kỳ vọng phát triển của ngành, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp trên, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty đã đặt ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2025 có thể được đảm bảo thực hiện.

PSI lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Thông tin chung về cổ đông lớn

Bảng 44: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Số 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	1.872.141.477	79,94

Thông tin chi tiết

- Tên cổ đông : Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
- Năm thành lập : 09/09/1977
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100681592 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 4 năm 2025
- Trụ sở chính : Số 18 phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ : 281.500.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm tỷ đồng)
- Người đại diện pháp luật: Ông Lê Ngọc Sơn – Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng thành viên
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổng Công ty (Người đại diện phần vốn):

Thông tin		Số CP đại diện	Tỷ lệ vốn đại diện/VĐL thực góp (%)
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	584.112.097	24,94
Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	468.374.320	20
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	234.187.160	10
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	234.187.160	10
Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	234.187.160	10
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	117.093.580	5

- 2.2. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:**

Bảng 45: Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông lớn

Cổ phần sở hữu của PVN	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Hiện tại	Dự kiến sau đợt chào bán (*)
Số lượng cổ phần	1.872.141.477	1.872.141.477	2.452.505.334
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)	79,94	79,94	79,94
Tỷ lệ biểu quyết (%)	79,94	79,94	79,94

(*) Giả định các cổ đông đều thực hiện quyền mua và tỷ lệ được tính trên số lượng cổ phiếu sau khi phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ của người có liên quan đến cổ đông lớn: Không có

- 2.3. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ**

Bảng 46: Thông tin về các giao dịch giữa PV Power với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông (PVN) và những người có liên quan của PVN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ					
1	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Chủ yếu là doanh thu bán điện: 142.006.073.496 đồng; - Năm 2024: Chủ yếu là doanh thu bán điện: 200.943.888.833 đồng.	Không
2	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chi nhánh của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- Năm 2024: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa các máy móc thiết bị cho NMD: 3.451.000.00 đồng.	Không

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
MUA HÀNG HÓA VÀ MUA DỊCH VỤ					
3	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)	Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Chủ yếu là mua nhiên liệu khí cho NMD Cà Mau: 6.288.532.958.889 đồng; - Năm 2024: Chủ yếu là mua nhiên liệu khí cho NMD Cà Mau: 9.568.993.740.256 đồng.	Không
4	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Chủ yếu là mua nhiên liệu khí cho NMD Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và mua khí LNG chạy thử nghiệm NMD Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: 5.462.551.972.626 đồng; - Năm 2024: Chủ yếu là mua nhiên liệu khí cho NMD Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2: 5.093.207.407.317 đồng.	Không
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua bảo hiểm cháy nổ và gián đoạn kinh doanh cho NMD, mua bảo hiểm tài sản, mua bảo hiểm con người: 166.990.590.217 đồng; - Năm 2024: Mua bảo hiểm cháy nổ và gián đoạn kinh doanh cho NMD, mua bảo hiểm tài sản, mua bảo hiểm con người: 298.045.817.967 đồng.	Không
6	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua các sản phẩm dầu nhiên liệu, dầu công nghiệp phục vụ sản xuất điện cho NMD, mua một số dịch vụ khác: 28.549.934.773 đồng;	Không

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
				- Năm 2024: Mua các sản phẩm dầu nhiên liệu, dầu công nghiệp phục vụ sản xuất điện cho NMD, mua một số dịch vụ khác: 98.012.459.219 đồng.	
7	Viện Dầu khí Việt Nam	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua các dịch vụ liên quan đến thuê trụ sở làm việc, thuê kho lưu trữ, các dịch vụ khi thuê trụ sở trong tòa nhà: 13.447.414.292 đồng; - Năm 2024: Mua các dịch vụ liên quan đến thuê trụ sở làm việc, thuê kho lưu trữ, các dịch vụ khi thuê trụ sở trong tòa nhà: 17.338.660.493 đồng.	Không
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua các dịch vụ liên quan đến bảo vệ trụ sở làm việc, bảo vệ các NMD: 9.165.743.254 đồng; - Năm 2024: Mua các dịch vụ liên quan đến bảo vệ trụ sở làm việc, bảo vệ các NMD: 14.210.951.056 đồng.	Không
9	Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	Năm 2024: Mua các dịch vụ tư vấn liên quan đến công tác kỹ thuật an toàn điện và an toàn cháy nổ cho các NMD: 5.980.352.447 đồng	Không
10	Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	Năm 2024: Mua các dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa các công trình xây dựng tại các NMD: 2.989.509.988 đồng	Không
11	Trường Cao đẳng Dầu khí	Bên có liên quan	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua các dịch vụ xây dựng chương trình đào	Không

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
		của Công ty mẹ		tạo kỹ thuật nhiệt, điện, cơ khí, C&I và thuê giảng viên: 120.000.000 đồng; - Năm 2024: Mua các dịch vụ xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật nhiệt, điện, cơ khí, C&I và thuê giảng viên: 844.310.000 đồng	
12	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Mua các loại hóa chất phục vụ sản xuất, hóa chất phục vụ thí nghiệm, khí thông thổi phòng mòn, khí công nghiệp tại các NMD: 7.410.952.832 đồng; - Năm 2024: Mua các loại hóa chất phục vụ sản xuất, hóa chất phục vụ thí nghiệm, khí thông thổi phòng mòn, khí công nghiệp tại các NMD: 559.759.719 đồng	Không
13	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Các loại chi phí sử dụng dịch vụ ngân hàng: 253.218.798 đồng; lãi tiền gửi: 61.206.569.087 đồng; chi phí lãi vay: 35.480.501.389 đồng; lãi vay vốn hóa: 21.982.703.288 đồng; - Năm 2024: Các loại chi phí sử dụng dịch vụ ngân hàng: 228.925.000 đồng; lãi tiền gửi: 76.055.073.655 đồng; chi phí lãi vay: 57.661.293.355 đồng; lãi vay vốn hóa: 32.122.040.558 đồng.	Không
CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC					
14	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	Năm 2024: Khoản bồi thường bảo hiểm sự cố Tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1: 1.078.934.885.640 đồng	Không

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
15	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP; Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam; Viện Dầu khí Việt Nam; Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP; Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Bên có liên quan của Công ty mẹ	Hội đồng quản trị	- 9 tháng đầu năm 2025: Một số khoản thu nhập khác: 477.821.828 đồng; - Năm 2024: Một số khoản thu nhập khác: 914.837.232 đồng.	Không

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và Quý 3 năm 2025)

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

PVN được nhận cổ tức theo tỷ lệ được ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua.

2.5. Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

PV Power có 02 khách hàng/nhà cung cấp lớn đồng thời là công ty con của cổ đông lớn PVN đó là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau và Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP đã được nêu tại mục 10.6, phần IV của Bản cáo bạch này, cụ thể:

(Phần này được cố ý để trống)

Bảng 47: Khách hàng/Nhà cung cấp lớn là công ty con của cổ đông lớn

Tên doanh nghiệp	HĐKD chính	Mối quan hệ với PVN	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (Mã chứng khoán: DCM)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Công ty con của PVN: PVN sở hữu 400.023.057 cổ phiếu DCM, tương ứng 75,56% tổng số cổ phần tại DCM	DCM là khách hàng mua điện của PV Power, DCM không hoạt động trong cùng lĩnh vực với PV Power, không xảy ra xung đột lợi ích
Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP (Mã chứng khoán: GAS)	Thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Công ty con của PVN: PVN sở hữu 2.243.391.141 cổ phiếu GAS, tương ứng 95,8% tổng số cổ phần tại GAS	GAS là nhà cung cấp nhiên liệu khí cho PV Power, GAS không hoạt động trong cùng lĩnh vực với PV Power, không xảy ra xung đột lợi ích

(Nguồn: PV Power)

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT
5.	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT
6.	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT
7.	Ông Phạm Ngọc Khuê	Thành viên độc lập HĐQT
8.	Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập HĐQT

➤ Ông Hoàng Văn Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Hoàng Văn Quang
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 27/11/1969
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1994-1996	Công ty Dầu khí BHP	Kỹ thuật viên khai thác
1997-1999	Công ty Petronas Carigali	Trưởng ca khai thác
1999-2001	Vietsovpetro	Trưởng ca khai thác
2002-2004	Vietsovpetro	Đốc công khai thác
2005-2006	Công ty Dầu khí Đại Hùng (thuộc PVEP)	Giàn phó sản xuất
2007-2010	Công ty Dầu khí Đại Hùng (thuộc PVEP)	Giàn trưởng sản xuất
03/2010 -09/2010	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam Công ty dịch vụ Khí (DVK)	Bí thư Đảng ủy, quyền Tổng Giám đốc
10/2010-12/2019	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam Công ty dịch vụ Khí (DVK)	Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Giám đốc
12/2019 – 02/2020	Công ty Dịch vụ Khí (DVK) Chi nhánh Khí Hải Phòng trực thuộc PV GAS	Giám đốc Giám đốc
02/2020 – 24/9/2021	Tổng công ty Khí Việt Nam- CTCP (PV GAS) Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)	Phó Tổng giám đốc Giám đốc
24/09/2021 -11/2021	Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Giám đốc
11/2021 - 04/2023	Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS)	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2023 – 05/2023	Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2023 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam – CTCP	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng – Quảng Trạch (thuộc Tập đoàn Công nghiệp- Năng lượng Quốc gia Việt Nam)
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 584.112.097 cổ phần, tỷ lệ 24,94%:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 584.112.097 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu POW: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 440.513.528 đồng
Năm 2024: 1.065.774.981 đồng
9 tháng đầu năm 2025: 1.615.309.979 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có

➤ **Ông Lê Như Linh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Lê Như Linh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 07/07/1967
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sỹ Kinh tế địa chất Dầu khí
Tiến sĩ kinh tế ngành Kinh tế địa chất dầu khí
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1990 -02/1994	Trường Đại học Mô địa chất	Giảng viên
03/1994 - 10/2006	Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)	Chuyên viên
10/2006 - 12/2007	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư
12/2007 - 7/2009	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Trưởng ban Đầu tư phát triển
08/2009 - 03/2010	Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí (PVD)	Chủ tịch HĐQT
04/2010 - 11/2013	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	Chủ tịch HĐQT
12/2013 - 11/2018	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas)	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/12/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 468.374.320 cổ phần, tỷ lệ 20%:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 468.374.320 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu POW: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 1.049.423.886 đồng
 Năm 2024: 1.269.269.494 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.643.946.951 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có

- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh Không có
doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách
hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty:

➤ **Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 07/05/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1999 - 9/2002	Ban QLDA nhà số 1&5 Lê Duẩn	Chuyên viên
10/2002 - 11/2008	Ban Xây dựng Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban
12/2008 - 4/2009	Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban
05/2009 - 2/2016	Ban Quản lý đấu thầu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban
3/2016 - 5/2018	Ban Quản lý đấu thầu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban
5/2018 - 4/2019	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGas)	Thành viên độc lập HĐQT
4/2019 - 12/2020	Ban Kinh tế Đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Trợ lý Tổng giám đốc
12/2020 - 5/2025	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)	Thành viên HĐQT
6/2025 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ, Thành viên HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần, tỷ lệ 10%:
+ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần

- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 898.182.371 đồng
 Năm 2024: 1.098.238.773 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.452.185.181 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Trần Thị Ngọc Bích
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 13/11/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị
Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1994-01/2000	Thị xã Hà Đông	Chuyên viên Ban quản lý dự án
2000 - 07/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng Phòng Đầu

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		tư, Trưởng Phòng Phòng Đầu tư
07/2007 - 09/2008	Ngân Hàng Thương mại cổ phần Dầu khí	Thành viên Ban trù bị thành lập - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư
09/2008 - 05/2009	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó chủ tịch Công đoàn
05/2009 - 11/2010	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
11/2010 – 7/2024	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc
07/2024-5/2025	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên HĐQT
06/2025-Đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 234.228.865 cổ phần
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 41.705 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 901.107.066 đồng
Năm 2024: 1.086.082.065 đồng
9 tháng đầu năm 2025: 1.448.684.900 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Bà Vũ Thị Tố Nga - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Vũ Thị Tố Nga
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 12/08/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1993 - 10/2007	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Phòng Thương mại
11/2007 - 6/2008	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường
8/2008 - 5/2009	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó ban - Ban Phát triển thị trường
6/2009 - 10/2010	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
11/2010 – 05/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Thương mại Thị trường
6/2018-20/4/2019	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phụ trách Ban/Trưởng Ban Thương mại Dịch vụ
5/2019 -5/2020	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT
05/2020-5/2025	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên HĐQT
06/2025 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần, tỷ lệ 10%

- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 880.957.068 đồng
Năm 2024: 1.093.611.498 đồng
9 tháng đầu năm 2025: 1.466.456.716 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yến
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 23/7/1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học
Tiến sĩ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1991 - 7/1997	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành
8/1997 - 8/2001	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review
9/2001 - 3/2005	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn
4/2005 - 4/2008	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên chính, Phó phòng Ban Chế biến Dầu khí
05/2008 - 7/2010	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí
08/2010 - 01/2014	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban Chế biến Dầu khí
02/2014 - 5/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ
06/2018 - 4/2019	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên
04/2019 - 06/2021	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Thành viên độc lập HĐQT
06/2021 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 117.093.580 cổ phần, tỷ lệ 5%
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 117.093.580 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 973.065.350 đồng
 Năm 2024: 1.169.013.744 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.459.503.006 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có

- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh Không có
doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách
hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty:

➤ **Ông Phạm Ngọc Khuê - Thành viên độc lập HĐQT**

- Họ và tên: Phạm Ngọc Khuê
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 26/3/1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa Vật lý giếng khoan và Công nghệ dầu khí
Thạc sĩ Công nghệ dầu khí.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1994 – 04/1999	Công ty giám sát các hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (PVSC)	Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan - Phòng Thăm dò
05/1999 – 12/2000	Trường Đại học Khoa học và Kỹ thuật Na-Uy (Norwegian University of Science and Technology - NTNU)	Học thạc sĩ Chuyên ngành Công nghệ dầu khí (Petroleum Engineering)
01/2001 – 03/2003	Công ty Đầu tư - Phát triển Dầu khí (PIDC)	Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan & Công nghệ dầu khí - Phòng Công nghệ mỏ
04/2003 – 07/2005	Chi nhánh PIDC Algeria, PIDC	Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan & Công nghệ dầu khí
08/2005 – 05/2007	Công ty Đầu tư - Phát triển Dầu khí (PIDC)	Phó phòng Công nghệ mỏ và Khai thác Phó phòng Tổ chức nhân sự Phó phụ trách Phòng Tổ chức nhân sự
06/2007 – 10/2007	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Trưởng Ban triển khai dự án Peru
11/2007 – 02/2008	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Giám đốc Công ty Dầu khí Peru
03/2008 – 05/2008	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Trưởng Ban triển khai dự án Iran

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2008 – 03/2011	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Giám đốc Công ty Dầu khí Ba Tư (Iran)
03/2011 – 01/2019	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Trưởng Ban Đầu tư Phát triển
01/2019 – 6/2019	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Trưởng Ban Công nghệ và An toàn Sức Khỏe Môi trường
03/6/2019 – 4/2025	Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC). (nay là Tổng Công ty Hóa chất & Dịch vụ Dầu khí – CTCP)	Phó Tổng giám đốc
5/2021 – 4/2025	Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
4/2025 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Thành viên độc lập HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW:	Thành viên độc lập HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu:	0 cổ phần trong đó,
+ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần
+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan:	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, tiền lương: Năm 2023: Không có Năm 2024: Không có 9 tháng đầu năm 2025: 408.884.264 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL:	Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty:	Không có

➤ **Ông Nguyễn Bá Phước - Thành viên độc lập HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Bá Phước
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng công trình biển
Thạc sỹ Mô hình hóa kết cấu
- Quá trình công tác;

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2001 - 06/2002	Công ty Xây dựng Hà Nội	Kỹ sư công trình
07/2002 - 06/2006	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng nhóm kết cấu; Tổ phó, Dự án Sư Tử Đen
7/2006 - 12/2007	Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế, Hà Nội	Giám đốc điều hành
01/2008 - 06/2009	Công ty CP thương mại Dầu khí, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	Điều phối viên dự án
07/2009 - 01/2013	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
02/2013 - 03/2014	Phòng Xây dựng công trình công nghiệp Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng
04/2014 - 05/2018	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban, Chuyên viên chính
07/2018 – 4/2023	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên HĐQT
5/2023 – 05/2025	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Thành viên độc lập HĐQT
06/2025 - Nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên độc lập HĐQT

- Công tác hiện nay tại POW: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên độc lập HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần trong đó,
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 323.580.218 đồng
Năm 2024: 861.796.534 đồng
9 tháng đầu năm 2025:
1.443.549.870 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Phạm Minh Đức	Trưởng ban
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên
3.	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên
4.	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên

➤ Ông Phạm Minh Đức – Trưởng BKS

- Họ và tên: Phạm Minh Đức
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 22/01/1976
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1997-03/2001	Tổng công ty Xây Dựng Sông Đà - HN	Chuyên viên phòng TCKT
04/2001-03/2003	Trường Đại học Mô Địa Chất – Hà Nội	Chuyên viên phòng tài vụ
04/2003-03/2006	Viện Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên phòng kế toán
04/2006-07/2008	Công ty CP kinh doanh cao cấp DKVN	Kế toán trưởng
08/2008-05/2009	Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác TSDK	Kế toán trưởng
06/2009-09/2011	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
10/2011-05/2023	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát
05/2023-05/2025	Trưởng ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát
06/2025- nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng ban Kiểm soát

- Công tác hiện nay tại POW: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, trong đó:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 427.893.954 đồng
 Năm 2024: 995.941.946 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.440.585.235 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thành viên BKS

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hương
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 31/08/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành kế toán
Cử nhân Kinh tế ngành Kinh tế đối ngoại

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 -07/2007	Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	Chuyên viên tài chính kế toán
08/2007-11/2007	Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính Dầu khí	Chuyên viên tài chính kế toán
12/2007-03/2008	Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Quản lý vốn
04/2008-08/2008	Ban Quản lý dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng
09/2008-08/2009	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên ban Tài chính kế toán và kiểm toán
09/2009-05/2014	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban - Ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán
5/2018 - 1/2021	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán
01/2021 - 4/2023	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán
04/2023 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP	Kiểm soát viên

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên BKS
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, trong đó:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 425.525.728 đồng
 Năm 2024: 963.500.559 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.315.837.649 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Bà Vũ Thị Ngọc Dung – Thành viên BKS**

- Họ và tên: Vũ Thị Ngọc Dung
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 17/03/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kỹ thuật
Thạc sĩ Kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1993 -10/2000	Công ty VPP Cửu Long	Cán bộ Lao động tiền lương
11/2000 - 12/2004	Công ty Tài chính Dầu khí	Chi ủy viên, chỉ bộ quản lý Chuyên viên kế toán
01/2005 - 04/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
4/2007 - 11/2009	Công ty Tài chính Dầu Khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí	Trưởng phòng/ Giám đốc Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ
12/2009 - 09/2013	Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí	UV BCH Đảng bộ, UV UB Kiểm tra Đảng ủy, Bí thư chi bộ, Giám đốc Ban kế hoạch/ Trưởng Ban Kế hoạch

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2013 - 7/2014	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	UV BCH Đảng bộ, UV UB Kiểm tra Đảng ủy, Bí thư chi bộ Khối TCKT, Trưởng Ban Kế hoạch – Khối Tài chính Kế toán
7/2014 - 4/2015	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	UV BCH Đảng bộ, UV UB Kiểm tra Đảng ủy, Bí thư chi bộ Khối TCKT, Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán
5/2015 - 6/2018	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách
7/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Kiểm soát viên

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên BKS
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 5.200 cổ phần, tỷ lệ 0,0002%:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 840.336.855 đồng
Năm 2024: 1.011.493.213 đồng
9 tháng đầu năm 2025: 1.308.580.232 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Bà Hà Thị Minh Nguyệt – Thành viên BKS**

- Họ và tên: Hà Thị Minh Nguyệt
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 06/06/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán và phân tích hoạt động kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1992 - 05/2004	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Kế toán viên
05/2004 - 2/2005	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phòng giao dịch 1
01/2006 - 12/2007	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phụ trách kế toán Đảng ủy viên
01/2008 - 10/2008	Ban trụ bị thành lập ngân hàng Dầu khí	Kế toán trưởng
10/2008 - 09/2010	Công đoàn Dầu khí VN	Trưởng ban Tài chính
09/2010 - 7/2018	Tổng công ty điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng Ủy viên BCH Đảng bộ
7/2018 – 04/2019	Tổng công ty điện lực Dầu khí VN - CTCP	Kế toán trưởng Ủy viên BCH Đảng bộ
04/2019 - nay	Tổng công ty điện lực Dầu khí VN - CTCP	Kiểm soát viên

- Công tác hiện nay tại POW: Thành viên BKS
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, trong đó:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 875.085.754 đồng
 Năm 2024: 1.039.786.206 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.314.674.397 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Như Linh	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Ngô Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Chu Quang Toàn	Kế toán trưởng

➤ Ông Lê Như Linh – Tổng Giám đốc

Như đã đề cập tại mục 3.1 nêu trên.

➤ Ông Phan Ngọc Hiền – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phan Ngọc Hiền
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 25/10/1975
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân nghệ thuật, Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ luật, kinh tế, quản lý

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/1999 - 06/2007	Báo Lao động	Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế bản
06/2007 - 01/2008	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính, Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Tổng Công ty – Chủ tịch Công đoàn
01/2008 - 09/2015	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chánh Văn phòng, Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra công đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Tổng Công ty; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự
09/2015 – 09/2019	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Bí thư Đảng ủy
08/2019 - 09/2019	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc
09/2019 -05/2025	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban chấp hành đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự Tổng công ty
06/2025 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự Tổng công ty

- | | |
|--|--|
| - Công tác hiện nay tại POW: | Phó Tổng Giám đốc, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự Tổng công ty |
| - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |
| - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: | 0 cổ phần, trong đó: |
| + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: | 0 cổ phần |
| + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: | 0 cổ phần |
| - Số cổ phần của những Người có liên quan: | Không có |
| - Các khoản nợ đối với Công ty: | Không có |

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 894.864.154 đồng
Năm 2024: 1.126.308.204 đồng
9 tháng đầu năm 2025:
1.445.005.561 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Ông Ngô Văn Chiến – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Ngô Văn Chiến
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 21/06/1972
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện khí hóa xí nghiệp
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1999 - 07/2001	Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ	Vận hành Gian máy, Bảng điện, Trưởng kíp
07/2001 - 02/2003	Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ	Trưởng kíp vận hành
03/2003 - 06/2004	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Giám sát kỹ thuật, Đội trưởng thi công Hệ thống điện Động lực, điện Điều khiển, Hệ thống PCCC, Hệ thống camera
09/2004 - 04/2007	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên
04/2007 - 08/2007	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	P. Quản đốc phụ trách Phân xưởng Cơ nhiệt, Phân xưởng Điện - C&I

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2007 - 10/2008	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Quản đốc Phân xưởng Điện - C&I
11/2008 - 02/2009	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trưởng phòng An toàn Môi trường, kiêm trợ lý Tổng Giám đốc
03/2009 - 07/2011	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trưởng Phòng KHKD
08/2011 - 12/2014	Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1	Phó Trưởng ban
12/2014 - 02/2016	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Phó Giám đốc
03/2016 - 10/2019	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc
10/2019 – 10/2022	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc
10/2022 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng giám đốc

- Công tác hiện nay tại POW: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 6.600 cổ phần, trong đó:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 - Năm 2023: 823.025.053 đồng
 - Năm 2024: 970.333.415 đồng
 - 9 tháng đầu năm 2025: 1.454.085.149 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Ông Nguyễn Duy Giang – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Duy Giang
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 09/07/1975
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1996 - 03/2001	Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
03/2001 - 10/2007	Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng kinh doanh
10/2007 - 03/2009	Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch
03/2009 - 10/2009	Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
10/2009 - 07/2014	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch
07/2014 - 01/2015	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
01/2015 - 11/2015	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc kiêm Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1
11/2015 – 06/2020	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
06/2020 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc

- Công tác hiện nay tại POW: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 22.000 cổ phần, tỷ lệ 0,0009%:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 22.000 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 935.816.439 đồng
 Năm 2024: 1.097.286.269 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.457.153.916 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ Ông Trương Việt Phương – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Trương Việt Phương
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 21/09/1980
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Thạc sĩ Tài chính

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2006 - 07/2006	Công ty Vinamex	Trợ lý Tổng Giám đốc
09/2006 - 12/2009	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Đối mới doanh nghiệp, Ban Tài chính Kế toán, Thư ký
01/2010 - 04/2013	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thư ký Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2013 - 08/2014	Tổng Công ty tư vấn thiết kế Dầu khí Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Phó Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT
08/2014 – 7/2017	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban Kế hoạch
8/2017 -5/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tài chính
6/2018 – 7/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Ban Tài chính Kế toán
08/2018 – 11/2023	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Phó Tổng Giám đốc
11/2023 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc

- Công tác hiện nay tại POW: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, trong đó:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 64.125.958 đồng
 Năm 2024: 820.171.570 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.419.824.090 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ **Ông Nguyễn Kiên – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Kiên
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 05/07/1979
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
 Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002 - 08/2007	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Chuyên viên
08/2007 - 05/2009	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc
5/2009 - 12/2014	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Phó Trưởng Ban Luật
12/2014 - 03/2016	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Trưởng Ban TCNS&ĐT
03/2016 - 08/2017	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng, phòng Pháp lý hợp đồng và DA Dầu khí, Ban Pháp chế, kiêm Thư ký Tổng giám đốc
08/2017 - 09/2019	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Chánh văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc
09/2019 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc

- Công tác hiện nay tại POW: Phó Tổng Giám đốc
 - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 - Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần, trong đó:
 + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
 Năm 2023: 902.831.689 đồng
 Năm 2024: 1.096.598.696 đồng
 9 tháng đầu năm 2025: 1.453.595.448 đồng
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VDL:

- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty:

➤ **Ông Chu Quang Toàn – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: Chu Quang Toàn
 - Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 14/11/1969
 - Nơi sinh: Nghệ An
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 Thạc sĩ Kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1991- 08/1997	Cục thuế tỉnh Nghệ An	
08/1997 - 10/2002	Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An	Phó phòng quản lý thuế
10/2002 - 04/2003	Cục thuế Nghệ An	Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học
10/2003 - 07/2007	Cục thuế Nghệ An	Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu
07/2007 - 11/2009	Cục thuế Nghệ An	Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân
12/2009 - 10/2010	Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam	Kế toán trưởng
11/2010 - 06/2015	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Trưởng phòng Kế toán Ban Quản lý dự án Đông Hồi
06/2015 - 06/2017	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Trưởng phòng Kế toán Ban Quản lý dự án VICEM
06/2017 - 08/2018	Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2018 - 04/2019	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ
04/2019 - 04/2020	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Phụ trách Kế toán, Phụ trách Ban TCKT&KT
04/2020 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Kế toán trưởng, Bí thư Chi bộ Tài chính Kế toán

- Công tác hiện nay tại POW: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần trong đó:
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những Người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao, tiền lương:
Năm 2023: 921.126.126 đồng
Năm 2024: 1.097.829.495 đồng
9 tháng đầu năm 2025: 1.379.176.460 đồng
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện với Công ty hoặc Công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% VĐL: Không có
- Lợi ích liên quan tại các doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

(Phần này được cố ý bỏ trống)

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành, chào bán:

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành, chào bán là 725.980.196 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 281.024.592 cổ phiếu (tương đương 12% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).
- Số lượng cổ phiếu phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (quỹ đầu tư phát triển): 351.280.740 cổ phiếu (tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).
- Số lượng cổ phiếu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2024): 93.674.864 cổ phiếu (tương đương 4% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).

4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành, chào bán theo mệnh giá:

7.259.801.960.000 đồng (Bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm năm mươi chín tỷ tám trăm linh một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 2.810.245.920.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (quỹ đầu tư phát triển): 3.512.807.400.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2024): 936.748.640.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/ cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

• Nguyên tắc xác định giá

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của PV Power trên báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán là 12.691 đồng/cổ phiếu được tính toán theo công thức sau:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (CP)}} \\
 &= \frac{29.721.094.883.244}{2.341.871.600} = 12.691 \text{ đồng/CP}
 \end{aligned}$$

- Giá tham chiếu bình quân 30 phiên liên tiếp từ ngày 21/07/2025 đến ngày 29/08/2025 là 15.225 đồng/cổ phiếu.

- **Xác định giá chào bán**

Căn cứ vào tình hình thị trường tài chính và nhu cầu huy động vốn của PV Power, đồng thời để đảm bảo đợt phát hành thành công, nâng cao khả năng chào bán được toàn bộ số cổ phần dự kiến, Hội đồng quản trị PV Power đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký/công ty chứng khoán nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, quyền nhận cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại thành viên lưu ký/ công ty chứng khoán đó.
- Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, quyền nhận cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại trụ sở Tổng Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa theo thông tin ở mục số 11.

7.1. Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	281.024.592 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	2.810.245.920.000 đồng
Tỷ lệ thực hiện quyền	12% (Mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phần sẽ được quyền mua 12 cổ phần phát hành thêm).
Chuyển nhượng quyền mua	Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có)	Số cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền và toàn bộ số phiếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị xác định tiêu chí và quyết định chào bán cho đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu này (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

	Trong trường hợp kết thúc thời hạn phát hành (kể cả thời gian được gia hạn nếu có) mà cổ phiếu chào bán không được phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phiếu chào bán thành công của đợt này sẽ được tính giảm tương ứng; vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với số lượng vốn thực góp của các cổ đông.
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Số tiền thu được đợt chào bán tương đương 2.810.245.920.000 đồng dự kiến sẽ được giải ngân cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến	Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, PV Power không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp sau: - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại; - Ủy quyền HĐQT xây dựng và thực hiện phương án bù đắp phần thiếu hụt không huy động được từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn giải ngân cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
Thời gian thực hiện	Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến trong năm 2025, Quý I/2026.
Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung	Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

7.2. Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	351.280.740 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá (dự kiến)	3.512.807.400.000 đồng
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
Tỷ lệ thực hiện quyền	15% (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận 15 cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu).
Nguồn vốn	Quỹ đầu tư phát triển trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của

	PV Power
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
Thời gian thực hiện	Sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, dự kiến trong năm 2025.

7.3. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	93.674.864 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá (dự kiến)	936.748.640.000 đồng
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu trả cổ tức.
Tỷ lệ thực hiện quyền	4% (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận 04 cổ phiếu trả cổ tức).
Nguồn vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của PV Power.
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
Thời gian thực hiện	Sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, dự kiến trong năm 2025.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký:**
- **Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:** là số lượng cổ phiếu mà cổ đông được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền 12% hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Ví dụ: Với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 12%, cổ đông A hiện đang sở hữu 329 cổ phiếu của Tổng Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ nhận được quyền mua $(329:100) \times 12 = 39,48$ cổ phiếu chào

bán thêm. Tuy nhiên, do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A chỉ nhận được quyền mua 39 cổ phiếu mới và quyền mua 0,48 cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.

- **Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:** là số lượng cổ phiếu mà cổ đông nhận được theo tỷ lệ thực hiện quyền 15%, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận 15 cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ví dụ: Với tỷ lệ phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 15%, cổ đông A hiện đang sở hữu 329 cổ phiếu của Tổng Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được nhận $(329:100) \times 15 = 49,35$ cổ phiếu mới. Tuy nhiên, do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A chỉ nhận được 49 cổ phiếu mới và 0,35 cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.

- **Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức:** là số lượng cổ phiếu mà cổ đông nhận được theo tỷ lệ thực hiện quyền 4%, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 4 cổ phiếu mới.

Ví dụ: Với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 4%, cổ đông A hiện đang sở hữu 329 cổ phiếu của Tổng Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được nhận cổ tức là $(329:100) \times 4 = 13,16$ cổ phiếu mới. Tuy nhiên, do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A chỉ nhận được 13 cổ phiếu mới và 0,16 cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.

- **Thời hạn đăng ký:**

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: Trong tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ mua đã được quy định. Tổng Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua theo Thông báo phát hành của Công ty sau khi Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Sau ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được nhận số cổ phiếu phát hành tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 15%. Tổng Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký theo Thông báo phát hành của Công ty.

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Sau ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được nhận số cổ phiếu phát hành tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 4%. Tổng Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký theo Thông báo phát hành của Công ty.

- **Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:**

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc danh sách người sở hữu quyền mua sẽ

đăng ký quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở Tổng công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa theo thông tin ở mục số 11.

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Sau ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ nhận được cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ làm thủ tục nhận cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ làm thủ tục nhận cổ phần tại trụ sở Tổng công ty.

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Sau ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ nhận được cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ làm thủ tục nhận cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ làm thủ tục nhận cổ phần tại trụ sở Tổng công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Tổng công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng không quá 30 ngày.

Lịch trình triển khai dự kiến như sau:

STT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng	T+2
3	CBTT Chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán và thực hiện quyền nhận cổ phiếu	T+2
4	Gửi VSDC chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền 1. Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu 2. Danh sách phân bổ quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 3. Danh sách phân bổ quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	T+2

STT	Công việc	Thời gian dự kiến
5	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu	T+12
6	Nhận danh sách tổng hợp cổ đông sở hữu được phân bổ quyền mua từ VSDC	T+14
7	Gửi thông báo xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán cho VSDC	T+14
I	Đối với nội dung chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	
1	Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu, chuyển nhượng cổ quyền mua	Đến T+39
2	VSDC tổng hợp danh sách thực hiện quyền và gửi lại POW	T+49
3	Xử lý cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký hết và cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện quyền	T+44
4	Báo cáo kết quả chào bán lên UBCKNN	T+46
5	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN theo vốn điều lệ mới	T+82
6	Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+82
II	Đối với nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	
1	Hội đồng quản trị ra quyết định về kết quả phát hành theo nội dung tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở danh sách thực hiện quyền	T+20
2	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho UBCKNN	T+30
3	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN theo vốn điều lệ mới	T+60
4	Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+60
III	Đối với nội dung phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	
1	Hội đồng quản trị ra quyết định về kết quả phát hành theo nội dung phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trên cơ sở danh sách thực hiện quyền	T+20

STT	Công việc	Thời gian dự kiến
2	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho UBCKNN	T+30
3	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN theo vốn điều lệ mới	T+60
4	Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+60

Lưu ý:

Trên đây là lịch trình phân phối dự kiến cho cổ đông. Thời gian phân phối cụ thể sẽ được Tổ chức phát hành thông báo chi tiết trong bản thông báo phát hành.

Thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành và được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Tổ chức phát hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.

Số lượng cổ phần lẻ phát sinh và số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho các đối tượng đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán đối với các Nhà đầu tư đăng ký tham gia đợt chào bán theo quy định pháp luật. Cổ phiếu không phân phối hết được HĐQT phân phối cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty cam kết không phân phối cho các Công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phiếu, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Tổng Công ty, chi tiết như sau:

- Chủ tài khoản: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP
- Số tài khoản: 8686663979
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh

Tài khoản phong tỏa này hiện không phải là tài khoản thanh toán của Tổng Công ty, đồng thời Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh cũng không phải là người có liên quan của Tổng Công ty.

Tổng Công ty sẽ không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất kỳ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được Báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổng Công ty không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà Pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019: *“Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, số cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu 70% số cổ phiếu dự kiến được chào bán, trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu. Tổ chức phát hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án.”*

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được đề cập tại Bản cáo bạch này được PV Power chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Tổng công ty theo tỷ lệ sở hữu. Do vậy, không áp dụng quy định về hủy bỏ đợt chào bán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này.

Việc hủy bỏ đợt chào bán (nếu có) tuân thủ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Tổng Công ty đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và được phản hồi bằng công văn số 6798/UBCK-PTTT ngày 27/10/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PV Power là 50%.

- Căn cứ Danh sách cổ đông của Tổng công ty ngày 26/8/2025 do VSDC lập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng Công ty là 75.141.515 cổ phần, tương đương 3,21% số cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty.

- Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, Hội đồng quản trị đã xây dựng phương án đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài tại Nghị quyết số 86/ĐLDK ngày 07/11/2025 về việc triển khai phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán như sau:

HDQT cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo đợt chào bán đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty cụ thể:

+ Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, Tổng công ty sẽ xác định được tỷ lệ chuyển nhượng quyền mua tối đa của cổ đông hiện hữu để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau chuyển nhượng quyền không vượt quá 50% theo đúng quy định của pháp luật. Tổng công ty sẽ thông báo cho các cổ đông, VSDC và các cơ quan thẩm quyền để đảm bảo thực hiện đúng cam kết.

+ HDQT không phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông không thực hiện quyền mua cho các nhà đầu tư nước ngoài nếu vi phạm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty và phối hợp chặt chẽ với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ SHNN theo đúng quy định.

15. Các loại thuế có liên quan

Tổng Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... và tuân thủ các chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

15.1 Đối với Tổng Công ty

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025 quy định mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 20%.

- Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thuế khác

Tổng Công ty khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.2 Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần (theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC và Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC).

+ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng

áp dụng theo quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Thu nhập từ cổ tức:
 - + Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức của cá nhân là thu nhập từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - + Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế từ đầu tư vốn khi nhận, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

15.3 Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2025, thu nhập chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - + Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 7, Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

16. Thông tin về các cam kết

Tổng Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Tổng Công ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: “Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.”

Tổng Công ty cam kết đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Tổng Công ty cam kết thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết theo đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

Tổng Công ty cam kết: (i) Đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Tổng Công ty không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp và (ii) Không phát hành cổ phiếu cho các công ty con (nếu có) để đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.

Thực hiện thay đổi giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới, đăng ký bổ sung đối với cổ phiếu mới phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Tổng Công ty đã thông qua việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 4% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Tổng Công ty đã nộp tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cùng hồ sơ đăng ký chào bán lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau khi được chấp thuận chào bán cổ phiếu, Tổng Công ty sẽ chốt đồng thời danh sách cổ đông thực hiện:

+ Quyền mua cổ phiếu: 281.024.592 cổ phiếu;

+ Quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 351.280.740 cổ phiếu;

+ Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu: 93.674.864 cổ phiếu.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán, phát hành

Số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu (dự kiến là 2.810.245.920.000 đồng) sẽ được sử dụng để tài trợ vốn chủ sở hữu cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (thanh toán các Hợp đồng ký kết với các nhà thầu/ đối tác để triển khai Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4).

2. Phương án khả thi của dự án

2.1. Thông tin về phương án khả thi

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là “Dự án” do Thủ tướng Chính phủ giao cho PV Power làm chủ đầu tư theo Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Dự án được Bộ Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 theo văn bản số 303/BCT-ĐL ngày 14/01/2019 (trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quốc phòng; UBND tỉnh Đồng Nai, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và trình Thủ tướng Chính phủ trước khi phê duyệt chủ trương.

Mục tiêu của Dự án:

Đảm bảo cung cấp điện cho phụ tải khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu nói riêng và cho miền Nam nói chung do nhu cầu phụ tải ngày càng tăng cao.

Tăng cường độ tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng trên lưới do truyền tải xa, nâng cao chất lượng điện năng.

Đa dạng hóa nguồn nhiên liệu sơ cấp, giảm sự phụ thuộc quá nhiều vào nhiên liệu than nhập khẩu có tiềm ẩn các nguy cơ rủi ro về cung ứng điện; góp phần giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

Về vốn đầu tư của Dự án:

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/07/2020 (trang 10), HĐQT Tổng Công ty đã phê duyệt Tổng mức đầu tư sau thuế của Dự án là 32.486.933.657.876 đồng, tương đương 1.397.888.712 USD (tỷ giá 1 USD = 23.240 đồng) với cơ cấu nguồn vốn dự kiến 25% vốn chủ sở hữu và 75% vốn vay.

2.2. Cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng

Để thu xếp nguồn vốn vay cho Dự án, PV Power đã đàm phán và thu xếp với các ngân hàng và định chế tài chính, cụ thể như sau:

- Thu xếp thành công nguồn vốn vay ECA không ràng buộc trị giá 200 triệu USD tại Ngân hàng SMBC, do SACE bảo lãnh. Hợp đồng được ký kết vào ngày 31/3/2023.
- Thu xếp thành công nguồn vốn vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trị giá 4.000 tỷ đồng. Hợp đồng được ký kết vào ngày 26/9/2023.
- Thu xếp thành công nguồn vốn vay ECA ràng buộc (SERV và K-SURE cấp bảo hiểm) trị giá 521,5 triệu USD tại Ngân hàng Citi-ING đầu mối. Hợp đồng được ký kết vào ngày 31/7/2024.

2.3. Ý kiến của tổ chức chuyên môn độc lập về phương án khả thi:

Dự án được đơn vị Tư vấn độc lập CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) lập và đơn vị Tư vấn độc lập CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1) thẩm tra đảm bảo dự án có hiệu quả và khả thi.

Bộ Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo văn bản số 303/BCT-ĐL ngày 14/01/2019 trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngày 27/2/2019, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 234/QĐ-TTg về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

3.1. Cơ sở pháp lý để triển khai dự án

- Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Quyết định số 1089/QĐ-BTNMT ngày 13/05/2020 của Bộ Tài nguyên môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Quyết định số 3298/QĐ-DKVN ngày 10/7/2020 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc ủy quyền thực hiện Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Nghị quyết số 81/NQ- ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần;

- Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/07/2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Nghị quyết HĐQT số 918/QĐ-ĐLĐK ngày 02/10/2020 của HĐQT PV Power về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình NMT Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Văn bản số 1262/BXD-HĐXD của Bộ Xây dựng ngày 15/4/2022 về việc giấy phép xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Quyết định số 87/QĐ-KCNĐN ngày 25/03/2024 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Quyết định số 83/QĐ-KCNĐN ngày 20/8/2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Quyết định số 850/QĐ-ĐLĐK ngày 22/9/2025 của HĐQT về việc chi phí mua nhiên liệu khí phục vụ chạy thử Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là nhà máy điện sử dụng nhiên liệu khí LNG nhập khẩu đầu tiên tại Việt Nam, nằm trong Danh mục các chương trình, công trình, dự án trọng điểm ngành năng lượng và là dự án sử dụng công nghệ tua bin khí GE 9HA.02 hiện đại bậc nhất thế giới. Toàn bộ dự án không có bảo lãnh Chính phủ - điều chưa từng có trong các dự án điện quy mô lớn tại Việt Nam trước đây. Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/07/2020 của HĐQT PV Power một số với nội dung chủ yếu của Dự án như sau:

- Tên dự án:

DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

- Hình thức quản lý dự án:

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP là Chủ đầu tư, tự quản lý dự án thông qua Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban Quản lý Dự án Điện (Ban QLDA Điện).

- Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

Nhóm A, Công trình năng lượng, cấp I.

- Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Tổng công suất dự án khoảng từ 1.300 MW đến 1.760 MW (bao gồm 02 nhà máy, mỗi nhà máy công suất khoảng 650 MW đến 880 MW).

- Địa điểm và diện tích sử dụng đất:

Dự án nằm trong khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án là 56,54 ha.

- Thời gian vận hành thương mại:

Nhà máy điện Nhơn Trạch 3: Quý IV/2025; Nhà máy điện Nhơn Trạch 4: Quý IV/2025 theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 83/QĐ-KCNKKT ngày 20/08/2025 của Ban Quản lý các KCN, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

- Tổng mức đầu tư:

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/07/2020, HĐQT Tổng Công ty đã phê duyệt Tổng mức đầu tư sau thuế của Dự án là 32.486.933.657.876 đồng, tương đương 1.397,89 triệu USD (Tỷ giá: 1 USD = 23.240 đồng).

Với cơ cấu nguồn vốn đầu tư là 25% vốn chủ sở hữu, 75% vốn vay:

- + **Vốn chủ sở hữu:** PV Power cân đối từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận để lại chưa chia trong các năm; thoái vốn từ các Công ty con và Công ty liên kết, phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- + **Vốn vay:** PV Power vay thương mại trong nước, vay tín dụng xuất khẩu (ECAs) và vay thương mại nước ngoài.

Bảng 48: Tổng mức đầu tư của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

TT	Nội dung	Giá trị trước VAT (VND)	Giá trị sau VAT (VND)	Quy đổi ra USD (1 USD = 23.240 đồng)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	193.327.643.200	212.660.407.520	9.150.620
	Khu vực nhà máy chính	140.127.643.200	154.140.407.520	6.632.548

TT	Nội dung	Giá trị trước VAT (VND)	Giá trị sau VAT (VND)	Quy đổi ra USD (1 USD = 23.240 đồng)
	Khu quản lý vận hành	53.200.000.000	58.520.000.000	2.518.072
II	Chi phí xây dựng	4.217.529.734.519	4.639.282.707.971	199.624.901
	Chi phí xây dựng Nhà máy chính	1.903.260.185.562	2.093.586.204.118	90.085.465
	Chi phí vật liệu chính	2.100.035.576.158	2.310.039.133.774	99.399.274
	Chi phí cơ sở hạ tầng	214.233.972.800	235.657.370.080	10.140.162
III	Chi phí thiết bị	16.522.890.606.688	18.175.179.667.357	782.064.530
	Chi phí mua sắm Thiết bị để lắp đặt	15.433.820.443.319	16.977.202.487.651	730.516.458
	Thiết bị dự phòng, thay thế	464.800.000.000	511.280.000.000	22.000.000
	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của Nhà thầu	158.986.204.433	174.884.824.877	7.525.165
	Chi phí lắp đặt; Thử nghiệm hiệu chỉnh	429.029.558.935	471.932.514.829	20.306.907
	Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ	36.254.400.000	39.879.840.000	1.716.000
IV	Chi phí quản lý dự án	352.661.425.853	352.661.425.853	15.174.760
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	538.190.181.368	591.503.734.988	25.451.968
VI	Chi phí khác	5.194.994.517.346	5.300.424.482.933	228.073.343
1	Chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao thử	2.428.030.738.571	2.670.833.812.428	114.924.002

TT	Nội dung	Giá trị trước VAT (VND)	Giá trị sau VAT (VND)	Quy đổi ra USD (1 USD = 23.240 đồng)
	giá trị sản phẩm thu hồi được			
1.1	Chi phí nguyên nhiên liệu, nhân công cho quá trình chạy thử	2.399.112.802.571	2.639.024.082.828	113.555.253
a	Chi phí chạy thử bằng khí LNG	2.302.291.244.170	2.532.520.368.588	108.972.477
b	Chi phí chạy thử bằng dầu DO	82.180.358.400	90.398.394.240	3.889.776
c	Chi phí nhân công	14.641.200.000	16.105.320.000	693.000
1.2	Điện nước chạy thử nghiệm, chạy thử	28.917.936.000	31.809.729.600	1.368.749
2	Thu hồi tiền bán điện chạy thử	-1.788.195.836.527	-1.967.015.420.180	-84.639.218
3	Các chi phí khác	4.555.159.615.302	4.596.606.090.685	197.788.559
VII	Dự phòng	2.922.928.392.050	3.215.221.231.255	138.348.590
	Dự phòng khối lượng phát sinh	1.627.202.403.698	1.789.922.644.068	77.019.047
	Dự phòng trượt giá	1.295.725.988.352	1.425.298.587.187	61.329.543
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		29.942.522.501.024	32.486.933.657.876	1.397.888.712

(Nguồn: PV Power)

3.2. Tình hình triển khai dự án đến thời điểm hiện tại

Sau khi được Thủ tướng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/9/2019, Tổng công ty đã triển khai các bước từ Thiết kế cơ sở, trình các cấp có thẩm quyền (bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị) thông qua Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Sau quá trình lựa chọn nhà thầu, PV Power đã triển khai các bước công việc nêu tại Bảng 47 - Các mốc tiến độ chính của Dự án NMD Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Tính tới thời điểm hiện tại, Dự án đã được Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai ban hành các quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư: lần thứ nhất vào

ngày 25/03/2024 và lần thứ hai vào ngày 20/08/2025. Cụ thể, theo Quyết định số 83/QĐ-KCNKKT ngày 20/08/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 đều dự kiến đưa vào vận hành trong Quý IV năm 2025. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư này giúp phù hợp với thực tế triển khai dự án.

Tính đến cuối năm 2024, phần lớn các hạng mục chính của cả hai nhà máy đã cơ bản hoàn thành, bao gồm hệ thống tua-bin khí, tua-bin hơi, nồi hơi thu hồi nhiệt, hệ thống xử lý nước, khí nén và các hạng mục phụ trợ. Đặc biệt, vào tháng 12/2024, tổ máy đầu tiên của Nhơn Trạch 3 đã được đốt lửa lần đầu, mở đầu cho giai đoạn chạy thử. Theo kế hoạch cập nhật mới nhất, Nhà máy Nhơn Trạch 3 sẽ chính thức phát điện thương mại vào cuối tháng 11/2025, trong khi Nhà máy Nhơn Trạch 4 dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 12/2025.

Bảng 49: Các mốc tiến độ chính của Dự án NMD Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

STT	Công việc	Hoàn thành	Ghi chú
1	Ký kết Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC)	- Ngày 14/03/2022, hoàn thành ký kết với Liên danh nhà thầu Samsung C&T và Lilama	
2	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật (TKKT)	- Ngày 09/8/2022 hoàn thành thẩm định, phê duyệt TKKT hạng mục xử lý nền. - Ngày 22/02/2023 hoàn thành thẩm định, phê duyệt TKKT phần móng các công trình và phần xây dựng của hệ thống nước làm mát. - Ngày 30/6/2023 hoàn thành thẩm định, phê duyệt hồ sơ TKKT phần còn lại nhà máy.	
3	Nhận điện ngược từ đường dây 220kV	Ngày 15/5/2024 đã hoàn thành đóng điện ngược sân phân phối 220kV.	
4	Nhận khí phục vụ công tác thử nghiệm	- Ngày 30/9/2024 đã nhận khí thành công cho hệ thống cung cấp nhiên liệu khí của NMD Nhơn Trạch 3. - Ngày 14/11/2024 đã nhận khí cho NMD Nhơn Trạch 3 và cấp cho lò hơi phụ để thử nghiệm.	
5	Đốt lửa lần đầu bằng khí NMD Nhơn Trạch 3	Ngày 11/01/2025 đã hoàn thành đốt lửa lần đầu bằng khí.	

STT	Công việc	Hoàn thành	Ghi chú
6	Hòa đồng bộ lần đầu NMD Nhơn Trạch 3	Ngày 05/02/2025 đã hoàn thành hòa đồng bộ lần đầu.	
7	Nhận điện ngược từ đường dây 500kV	Ngày 27/12/2024 đã hoàn thành đóng điện ngược sân phân phối 500kV.	
8	Đốt lửa lần đầu bằng khí NMD Nhơn Trạch 4	Ngày 06/6/2025 đã hoàn thành thực hiện đốt lửa lần đầu bằng khí.	
9	Hòa đồng bộ lần đầu NMD Nhơn Trạch 4	Ngày 27/6/2025 đã thực hiện hòa đồng bộ NMD Nhơn Trạch 4	
Kế hoạch Dự kiến triển khai tiếp theo			
10	Tiếp tục công tác triển khai mua sắm thiết bị dự phòng và chạy thử	Dự kiến toàn bộ thiết bị dự phòng sẽ về tới công trường trong tháng 12/2025	Theo dự kiến của Tổng thầu EPC
11	Bàn giao đưa vào sử dụng NMD Nhơn Trạch 3	Dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng NMD Nhơn Trạch 3 vào ngày 13/11/2025.	
12	Bàn giao đưa vào sử dụng NMD Nhơn Trạch 4	Dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng NMD Nhơn Trạch 4 vào ngày 28/12/2025.	

(Nguồn: PV Power)

Đến thời điểm tháng 9/2025, tiến độ tổng thể của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 ước đạt 96%. Trong đó:

- **Đối với Hợp đồng EPC:**
 - + Công tác xây lắp của gói thầu EPC ước đạt 99,98%;
 - + Công tác mua sắm, lắp đặt đã hoàn thành trên 99% so với kế hoạch.
- **Tiến độ chạy thử toàn Dự án ước đạt gần 76% so với kế hoạch 100% theo tiến độ cấp 2 được duyệt.**

3.3. Tình hình thu xếp vốn đối với Dự án

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 24/07/2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, Dự án có tổng mức đầu tư trước thuế là 29.942.522.501.024 VNĐ và sau thuế là 32.486.933.657.876 VNĐ. Theo đó tình hình thu xếp vốn đối với Dự án như sau:

Bảng 50: Tình hình thu xếp vốn đối với Dự án

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TMDT được duyệt	Tình hình thu xếp vốn		Tình hình sử dụng vốn tới 15/10/2025	
		Vốn đã thu xếp	Vốn còn phải thu xếp	Vốn đã sử dụng	Nhu cầu còn lại
1				2	
Tổng vốn đầu tư	32.486.933.657.876			23.214.137.214.957	9.272.796.442.919
Tổng vốn đầu tư trước thuế VAT	29.942.522.501.024			21.462.337.615.731	8.480.184.885.293
Trong đó:					
Vốn vay	22.456.891.875.768	22.456.891.875.768		16.285.008.358.497	6.171.883.517.271
Vốn chủ sở hữu	10.030.041.782.108	7.219.795.862.108	2.810.245.920.000	6.929.128.856.460	3.100.912.925.648
VCSH (không bao gồm thuế)	7.485.630.625.256			5.177.329.257.234	2.308.301.368.022
VCSH thanh toán thuế VAT mua vào	2.544.411.156.852	7.219.795.862.108	2.810.245.920.000	1.751.799.599.226	792.611.557.626

(Nguồn: PV Power)

Tính đến thời điểm 15/10/2025, tổng số vốn đã sử dụng cho Dự án là 23.214 tỷ đồng, nhu cầu còn lại là 9.272 tỷ đồng (trong đó: vốn vay là 6.171 tỷ đồng và vốn tự có là 3.100 tỷ đồng).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 2.810.245.920.000 đồng. Tổng Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến thu được để bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Hai Hợp đồng cụ thể dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành gồm (1) Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM và (2) Hợp đồng mua bán khí LNG Tái hóa phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 613/2024/PVGas/QLK-PVPOWER/B1 có tiến độ thanh toán và dự kiến số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu sẽ được sử dụng cho các khoản mục sau:

Bảng 51: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung sử dụng	Nhu cầu thanh toán dự kiến	Số tiền dự kiến giải ngân từ đợt chào bán	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM	3.648.170.964.548	2.399.245.920.000	Quý IV/2025, Quý I/2026
2	Hợp đồng mua bán khí LNG Tái hóa phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 613/2024/PVGas/QNL K-PVPOWER/B1	2.309.471.237.818	411.000.000.000	Quý IV/2025, Quý I/2026
Tổng		5.957.642.202.366	2.810.245.920.000	

(Nguồn: PV Power)

Ghi chú:

Tỷ giá USD đối với các hạng mục được phê duyệt theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK là 23.240 đồng/1 USD.

Tỷ giá USD đối với các khoản đã thanh toán cho Tổng thầu EPC: theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán.

Tỷ giá USD tạm tính đối với các khoản thanh toán dự kiến là 26.369 đồng/1 USD theo tỷ giá bán ra ngày 15/10/2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

1. Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

- Chi phí xây dựng và thiết bị của Dự án được phê duyệt là 22.814.462.375.328 đồng (tương đương 981.689.431 USD) (nêu tại Mục II, III của Bảng 48 - Tổng mức đầu tư của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4).

- Để triển khai Dự án, PV Power đã ký kết Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM ký ngày 14/03/2022 với Liên danh nhà thầu Samsung C&T và Lilama.

Giá trị Hợp đồng EPC và các Phụ lục đã ký tạm quy đổi tương đương 22.597.461.397.195 đồng (tương ứng 479.370.000 USD và 10.533.223.901.878 đồng). Tuy nhiên trong quá trình triển khai Dự án phát sinh các vật tư thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài nằm trong danh mục được miễn thuế, do đó giá trị Hợp đồng EPC thực tế dự kiến sẽ thanh toán là **22.113.389.597.066 đồng** (tương ứng 479.370.000 USD và 10.049.152.101.749 đồng).

- Tính đến thời điểm ngày 15/10/2025, tổng số tiền đã thanh toán theo Hợp đồng EPC tương đương 18.465.218.632.518 đồng (bao gồm 405.064.273,74 USD và 8.360.348.832.951 đồng). Trong đó:

+ Thanh toán cho nhà thầu Công ty Samsung C&T Corporation Hàn Quốc: 11.940.542.814.206 đồng (bao gồm 379.805.696,74 USD và 2.459.853.085.299 đồng)

+ Thanh toán cho nhà thầu Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP: 6.524.675.818.312 đồng (bao gồm 25.258.577 USD và 5.900.495.747.652 đồng).

- Số tiền còn lại phải thanh toán theo hợp đồng EPC tương đương **3.648.170.964.548 đồng** (bao gồm 74.305.726,26 USD và 1.688.803.268.798 đồng).

- Dự kiến nhu cầu thanh toán cho Hợp đồng EPC trong Quý IV/2025, Quý I/2026 là **3.648.170.964.548 đồng** (bao gồm 74.305.726,26 USD và 1.688.803.268.798 đồng), trong đó số tiền dự kiến sử dụng từ đợt tăng vốn điều lệ là **2.399.245.920.000 đồng**.

2. Hợp đồng mua bán khí LNG Tái hóa phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 613/2024/PVGas/QNLK-PVPOWER/B1

- Giá trị khí LNG phục vụ giai đoạn chạy thử được phê duyệt là **2.532.520.368.588 đồng** (nêu tại Mục IV.1.1.1.a của Bảng 48 – Tổng mức đầu tư của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4), tương đương **9.130.496 triệu BTU** cho công suất 1.500 KW/02 Nhà máy, giá khí là 10,85 USD/triệu BTU.

- PV Power đã ký kết hợp đồng mua bán khí LNG Tái hóa với Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP với giá khí tính theo thời điểm thực tế giao nhận khí và khối lượng tối đa **9.178.833 triệu BTU** (do hạng mục thiết bị và chạy thử kỹ với tổng thầu EPC triển khai với công suất 812MW/1 nhà máy. Đây là mức công suất thuộc dải công suất 650 – 880M cho mỗi nhà máy được phê duyệt tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng giá trị khí quy đổi tại thời điểm hiện tại là **3.940.551.406.349 đồng**.

Giá trị chênh lệch được bổ sung từ hạng mục chi phí Dự phòng trong tổng mức đầu tư được nêu tại mục VII của Bảng 48 – Tổng mức đầu tư của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 và được phê duyệt tại Quyết định số 850/QĐ-ĐLĐK ngày 22/9/2025 của Hội đồng quản trị PV Power về việc chi phí mua nhiên liệu khí phục vụ chạy thử Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Tính đến 15/10/2025, PV Power đã thanh toán cho PV GAS số tiền **1.631.080.168.531 đồng** (thanh toán định kỳ vào ngày 10 hàng tháng).

Số tiền mua khí LNG còn lại phải thanh toán cho PVGAS sau ngày 15/10/2025 dự kiến là **2.309.471.237.818 đồng**.

Tổng giá trị phải thanh toán dự kiến trong Quý IV/2025, Quý 1/2026 là: **2.309.471.237.818 đồng**, trong đó số tiền dự kiến sử dụng từ đợt tăng vốn điều lệ là **411.000.000.000 đồng**.

Thứ tự ưu tiên:

Trường hợp không thu đủ số tiền từ đợt chào bán như dự kiến, Tổng Công ty thực hiện phân bổ số tiền thu được theo thứ tự ưu tiên như sau:

- 1) Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM.
- 2) Hợp đồng mua bán khí LNG Tái hóa phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 số 613/2024/PVGas/QLNK-PVPOWER/B1.

Do Dự án có sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng vì vậy trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số tiền huy động từ đợt chào bán thiếu hụt so với phương án sử dụng vốn, Tổng Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay hoặc các nguồn vốn khác của Tổng công ty để bù đắp phần vốn thiếu hụt để đảm bảo dự án được tiếp tục thực hiện theo đúng tiến độ.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 7105 0000

Fax: (84.24) 6288 5678

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: 024 3934 3888

Website: www.psi.vn

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán, phát hành.

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- CTCP được tuân thủ theo đúng Quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật và Nghị định.

Theo đó, hình thức của đợt chào bán, phát hành này bao gồm:

“Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu” cụ thể Tổng Công ty sẽ chào bán 281.024.592 cổ phiếu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

“Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu” cụ thể Tổng Công ty sẽ phát hành 351.280.740 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

“Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức” cụ thể Tổng Công ty sẽ phát hành 93.674.864 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Với kế hoạch kinh doanh có tính khả thi, tổ chức tư vấn cho rằng đợt chào bán, phát hành của Tổng Công ty có khả năng thành công.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để ra quyết định đầu tư.

XIII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XIV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 10 năm 2025;
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2025 kèm theo Tờ trình 1757/TTr-ĐLDK ngày 24/09/2025 về việc Thông qua Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của PV Power; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 86/ĐLDK ngày 07/11/2025 về việc triển khai phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;
3. **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023, năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2025;
5. **Phụ lục V:** Danh mục các tài liệu pháp lý của Dự án.
- Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê

duyet chủ trương đầu tư Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Quyết định số 1089/QĐ-BTNMT ngày 13/05/2020 của Bộ TNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Quyết định số 3298/QĐ-DKVN ngày 10/7/2020 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc ủy quyền thực hiện Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Nghị quyết số 81/NQ- ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

- Quyết định của HĐQT số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/7/2020 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Quyết định của HĐQT số 918/QĐ-ĐLĐK ngày 02/10/2020 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Văn bản số 1262/BXD-HĐXD của Bộ Xây dựng ngày 15/4/2022 về việc giấy phép xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Quyết định số 87/QĐ-KCNĐN ngày 25/03/2024 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Quyết định số 83/QĐ-KCNĐN ngày 20/8/2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Quyết định số 850/QĐ-ĐLĐK ngày 22/9/2025 của HĐQT về việc chi phí mua nhiên liệu khí phục vụ chạy thử Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

- + Số DM 435643 do Sở TN&MT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23/04/2024

- + Số DO 386468, DO 386469, DO 386470, DO 386471 do Sở TN&MT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/05/2024

- + Số DP 961820, DP 961821, DP 961822, DP 961823, DP 961824, DP 961825 do Sở TN&MT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/12/2024.

XV. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



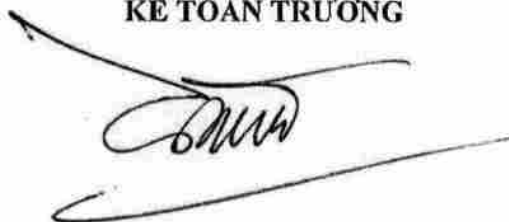
HOÀNG VĂN QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NHƯ LINH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



CHU QUANG TOẢN



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

GIÁM ĐỐC 



PHAN QUỲNH NGÀ